

Tác Giả và Tác Phẩm

Phạm Thiên Thư

Tiểu sử

Tên thật Phạm Kim Long. Sinh ngày 1.1.1940 tại Hải Phòng.
Nguyên quán: Kiến Xương, Thái Bình. Hiện ở Sài Gòn

Tác phẩm

Thơ Phạm Thiên Thư (1968), Kinh Ngọc (Thi hoá Kinh Kim Cương), Động Hoa Vàng (Thơ, 1971), Đạo ca; Hậu Kiều - Đoàn Trường Vô Thanh (1972), Kinh thơ (Thi hoá Kinh Pháp Cú); Quyên Từ Độ Bồ Thôn Đoài (Thơ), Kinh Hiếu (Thi hoá), Kinh Hiền (Thi hoá Kinh Hiền Ngụ 12.000 câu lục bát), Ngày xưa người tình (thơ), Trại Hoa Đỉnh Đồi (thơ, 1975)



Mục Lục

Thơ Phạm Thiên Thư – Võ Phiến - 2
Chùm thơ Phạm Thiên Thư – Thu Tư - 6
Phạm Thiên Thư - hồn thơ “không ngủ yên” - Vương Trí Nhàn – 15
Phạm Thiên Thư - Tuệ Lãng – 17
Quán Hoa Vàng - Nguyễn Thị Hàm Anh - 20
Phạm Thiên Thư: Người tu sĩ lãng mạn – Trương Văn Khoa – 23
Ngày Xuân tìm Động hoa vàng - Đặng Tiến - 27
Thơ lục bát: một duyên phận long đong – Trịnh Y Thư - 32

Phụ đính I : Ngày xưa Hoàng thị

“Hoàng thị...” của Phạm Thiên Thư
Phạm Thiên Thư và "Ngày Xưa Hoàng Thị" 1 & 2

Phụ đính II : Động hoa vàng

Bài thơ “Động hoa vàng” của Phạm Thiên Thư
The Thorn Birds

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Thơ Phạm Thiên Thư Võ Phiến

Nguyễn Du có *Đoạn trường tân thanh*, ông có *Đoạn trường vô thanh*; Nguyễn Du có thơ *Chiêu hồn*, ông cũng có *Chiêu hồn ca*. Mặt khác, Phật có kinh *Kim Cương*, kinh *Hiền Ngụ*, ông cũng phỏng soạn *Kinh Ngọc*, *Kinh Hiền*, *Kinh Thơ* v.v. (...) Đời ông từng bị thu hút ngược xuôi nhiều hướng. Nhưng Phạm Thiên Thư làm (...) không thành (...) làm sư cũng không hẳn ra sư. Con vạc bờ kinh nó ghẹo ông:

“Hỏi con vạc đậu bờ kinh
Cớ sao lặn độn cái hình không hư
Vạc rằng: Thừa bác Thiên Thư
Mặc chi cái áo thiên sư ỡm ờ.”
(*Động hoa vàng*)

Phạm Thiên Thư chỉ đóng trọn vai tuồng xuất sắc khi ông trở về với chính mình, tức một tu sĩ đa tình. Và trong vai tuồng ấy ông thật tuyệt vời, đáng yêu hết sức.

Thử tưởng tượng: Nếu Phạm Thiên Thư sớm tối miệt mài kinh kệ, một bước không ra khỏi cổng chùa, không biết tới chuyện hẹn hò, không hề lẻo đẹo đưa em này đi rước em nọ về v.v. thì nền thi ca của chúng ta thiệt thòi biết bao. Lại thử tưởng tượng Phạm Thiên Thư quanh năm suốt tháng chỉ những em này em nọ dập diu, nhớ thương ra rít, mà không màng tới kinh *Hiền* kinh *Ngọc*, không biết chuông biết mõ gì ráo, thì trong kho thi ca tình ái của ta cũng mất hẳn đi một sắc thái đặc biệt chứ.

Cho nên ông cứ ỡm ờ thế lại hay. Có tu mà cũng có tình. Cái tình của một người tu nó khác cái tình của người không tu, nó có nét đẹp riêng. Thật thế, khi yêu đương có lần ông kêu than vì một dáng hình mất hút:

“dáng em nhỏ nhỏ
trong cõi xa vời”
(*Ngày xưa Hoàng thị...*)

“Dáng em nhỏ nhỏ” là hình ảnh quen thuộc của phần đông các cô gái trong thơ ca, là chỗ gặp gỡ chung của mọi thi nhân đa cảm. Nhưng “trong cõi xa vời” là khung cảnh riêng của Phạm Thiên Thư, là cái không khí yêu đương riêng biệt của ông. Tu sĩ đa tình, ông làm cho thế giới yêu đương phong phú hẳn lên.

Xưa nay có ai mê gái mà kêu “tình ơi tình ơi”? Họa chẳng chỉ có Phạm đại đức. Ông thù thì thủ thủ, ông kêu khe khẽ những lời ân tình tha thiết không chịu được. Tình yêu của ông thật tội nghiệp. Không phải nó tội nghiệp nó đáng thương vì ông bị hắt hủi, bị bạc tình, bội phản, vì ông gặp cảnh tuyệt vọng v.v. Không phải thế. Tội nghiệp là vì bên cạnh các mối tình vời vợi của ông lúc nào cũng thấp thoáng cái ám ảnh của kiếp sống mong manh, của cuộc thế vô thường, của cảnh đời hư ảo. “Dáng em nhỏ nhỏ” cứ như lúc nào cũng chập chờn “trong cõi xa vời”, đáng thương là thế.

Nhớ thuở nào lá vàng rơi trên áo người yêu phơi trước gió thu, bây giờ người yêu không còn nữa:

“nay áo đã cuốn về thiên cổ

lá vàng bay lạnh nổi niêm không.”
(Áo thu)

Nhớ thuở nào người yêu đan áo tặng mình, áo chưa đan xong thì bỗng:

“rời bỏ đó em vào thiên cổ
anh một đời ngóng áo thiên thanh.”
(Đan áo)

Trong trường hợp tình nhân mất tình nhân, kẻ khác vật vã đau đớn, thì Phạm Thiên Thư lặng đi trước Không Hư. Ở đây không chỉ mất đi một người tình, một mối tình; ở đây là tan biến hết thảy, sự tan biến nó làm cho ta không buồn vật vã nữa mà thấy hụt hẫng, ngẩn ngơ.

Vả lại không phải chờ đến một cái chết mới đối diện Hư Vô, ngay cả khi đôi trẻ hãy còn đủ trên đời ông vẫn ý thức rõ ràng cái nhỏ bé chơi vơi của tình yêu:

“Cõi người có bao nhiêu
Mà tình sâu vô lượng
Còn chi trong giả tướng
Hay một vết chim bay.”

Đáng thương biết mấy cái cảnh:

“Anh một mình gọi nhỏ
Chim ơi biết đâu tìm.”
(Vết chim bay)

Không phải chỉ thương vì tìm chim biệt vốn khó; chính thương nhất là vì tình sâu vô lượng chẳng qua chỉ như một vết chim bay mà thôi. Ngay khi nói chuyện yêu đương đã nghe “lạnh nổi niêm không”! Cái biệt sắc của tu sĩ đa tình nó hay là thế.

Vừa rời trót buột ra mấy chữ “ân tình”, “tha thiết”, có thể gây sự hiểu lầm. Nói thế không phải có ý bảo ông Phạm có tài tán tỉnh giỏi giang hay ho. Ông không sở trường về khoa ấy. Tóm tắt, có lẽ ông không sở trường về khoa ái tình nào cả: nói năng, tí toáy, mảnh lời quyến rũ mê hoặc v.v. đều không. Trông ông lành lặn, cổ điển lặn. Ông không có phát kiến nào trong lãnh vực yêu đương. Xuất hiện trước ông một thập niên kỷ, Nguyễn Sa tỏ ra “mới mẻ” hơn nhiều: từ lời ăn tiếng nói khoe mắt đầu mày cho tới hoạt động tay chân bên cạnh người yêu đều linh hoạt tân kỳ.

Còn người tình lớp trẻ, lớp đàn em, là Phạm Thiên Thư lại hiền khô. Trong mối tình nổi tiếng nhất người ấy chỉ lẻo đẻo “gót giày thềm lặng” đi theo sau người yêu vậy thôi, trong bụng cũng muốn “tìm lời mở nói” nhưng mà cứ ngập ngừng cứ ngại ngần hoài. Mãi mới dám “trao vôi chum hoa”, thế rồi là... hết!

“trao vôi chum hoa
ép vào cuối vờ.”
(Ngày xưa Hoàng thị...)

là tuyệt đích cuối cùng. Rồi trong những mối tình đậm đà táo bạo sau này cũng chỉ đến chỗ “dan díu bàn tay” mà thôi.

Đã có ai bắt gặp cái hôn nào trong tình yêu của Phạm Thiên Thư chưa nhỉ. Ái tình ở đây cơ hồ không nhằm mưu cầu hạnh phúc. Yêu nhau như thể không vì hoan lạc mà chỉ để cùng thắm thía cái tính cách bệch bệch của kiếp người. Ái tình không đưa tới hạnh phúc, cũng không đưa tới những quằn quại, ghen tuông, khổ đau, sầu não v.v. Nó chỉ đưa tới sự ngẩn ngơ. Ngẩn ngơ trước mệnh mông, vắng lặng. Trước Phạm Thiên Thư lâu rồi, vào thời kỳ văn học lãng mạn, nghĩa là thời kỳ của tình cảm dạt dào cao khiết, khi yêu đương Xuân Diệu liền bám sát: “sát đôi đầu, kề đôi ngực, trộn nhau đôi mái tóc ngắn dài”, rồi “quấn riết đôi vai”, rồi “gắn chặt đôi môi” v.v. Vậy mà ông cứ kêu “Thế vẫn còn xa lắm”. Trong tiếng thơ tưởng nghe được cả hơi thở hỗn hển. Nhà thơ cắn vào món ăn trần gian (*nourriture terrestre*), cắn mạnh dữ đả!

Sau này về già, Xuân Diệu trầm tư chín chắn, vẫn giữ một lập trường về thân xác:

“Không nên, sao dựng lầu thơ?
Không thân thể, chỉ băng quơ cái hôn.”
(*Thân em*)

Về già, Vũ Hoàng Chương gặp lại giai nhân trong giấc mơ cũng nắn nì:

“Em nhé!..., chiều anh, gần chút nữa
Cho anh tìm thấy chính em xưa.”

Khi em đã gần và anh đã tìm thấy, anh liền lính quính:

“Ờ, Chính em mà! Tất cả em
Đã về... Ôi trận gió nào đem!”
(*Giấc mơ tái tạo*)

Tất cả em, tức là đủ cả nền thơ lẫn lầu thơ đấy, tức là không băng quơ đâu. Các lão thi nhân không chịu cái băng quơ nhé, ngay cả trong giấc mơ.

Nhưng trước nữa, trước xa, cách chúng ta hơn nghìn năm, ngót mười hai thế kỷ, tại quê hương đức Khổng, thì một vị tiến sĩ phong nhã như ông Bạch Cư Dị coi kỹ cũng khiếp lắm, không sao? Lúc thất thế sa cơ ông tư mã Giang Châu mặc áo xanh đêm khuya nghe đàn vẫn cốt cách ra gì, còn khi đắc ý ông làm thượng thư tại triều thì áo mũ cân đai, đường đường chính chính, uy nghi biết mấy. Vua trên trông xuống, muôn dân trông vào. Thế mà nói đến gái họ Dương, ông không ngại nói luôn tới cái lúc người ta đang tắm rửa kỳ cọ:

“Xuân hàn tứ dục Hoa Thanh trì
Ôn tuyền thủy hoạt tẩy ngưng chi.”

Ông nói đến cả chuyện da thịt người ta trắng thế này thế nọ. Đưa xấu nét đọc tới dám bán lên lắm.

Những bậc đàn anh, những bậc tiền bối và cổ tiền bối ấy, giá họ có dịp xem qua thơ tình của chàng thanh niên thời nguyên tử, thời hiện sinh, cái thời từng bị vu là sa đọa! Thơ tình của chàng là thứ thơ tình không có nụ hôn. Người tình của chàng là thứ người tình không da thịt. Đố thiên hạ tìm ra trong thơ chàng một nụ hôn, tìm ra những cặp môi mọng như quả nho, gò má ửng hồng như trái đào, những sóng mắt đắm đuối, ngực tròn phập phồng v.v., đố như thế là đố khó quá. Thường thường chỉ có nón bài thơ, có hoa cài đầu, có áo hồng áo xanh v.v. Kề hăm hở xông tới cũng có thể bắt gặp môi, tóc và một bàn tay chẳng hạn. Bàn tay (cái phần rất ít thân xác trong thân xác), bàn tay vậy thôi, cũng như tóc như tai vậy thôi. Không mọng đỏ,

không no tròn, không phập phồng, không đấm đui, không long lanh v.v. Ô, những chữ nghĩa ấy hàm ý thường thức, cái ý quá sỗ sàng đối với chàng. Thành thử em Ngọ, em Tí, gái gác chuông, gái giàn hoa, gái lều thơ, gái chong đèn v.v., tất cả chỉ là một cái tên hay một bóng dáng. Tuyệt nhiên không thịt da. A! Gái nguyên tử này với trai hiện sinh nọ, xứng chưa!

Thân xác ư? Chẳng qua những tấm thân mảnh dẻ, mong manh, như liễu, như tơ, như sương. Những thân xác như thế không chịu được sự cận kề. Gái như thế họ chấp chờn xa xa, họ ở chỗ “xa vời”, họ thường mất hút hoặc trong quá khứ, trong thời gian mịt mù, hoặc trong không gian diệu vợi, hoặc trong hư vô, trong “niềm không” buốt lạnh...

Mới vừa rồi lại trót nói Phạm Thiên Thư không xuất sắc về kỹ thuật ái tình nào, nói ái tình ở đây không có hôn hít, người tình ở đây không có xác thân háo hức v.v., nói vậy lại e có sự hiểu lầm khác nữa. Như vậy hoặc có thiếu nữ nào đó ngờ rằng Phạm lang có phần lạnh nhạt hờ hững chăng? Không đâu. Trái lại. Con chim con thú không lời nói, chúng vẫn có linh tính để phân biệt kẻ dữ người lành, để biết rõ ai là kẻ thương yêu nó. Người tình họ Phạm không tỏ ra bạo dạn nồng nàn, nhưng nghe giọng thủ thỉ của ông chúng ta tin ngay là ông yêu đương chân thành. Chân thành chắc chắn không kém lòng ông mến đạo. Những mối tình chay tịnh của ông chẳng những là tình chân thành lại còn là tình tha thiết. Mà tình càng tha thiết thì cái chơi với của nó trong kiếp phù du chỉ càng thấm thía.

Đáp lời tạp chí *Bách Khoa* trong một cuộc phỏng vấn, Phạm Thiên Thư bảo ông cần có ba thứ trợ hứng cần thiết: thiên nhiên, sự yên lặng, và những quán cà-phê (*Bách Khoa*, số ra ngày 18-5-1974). Một cách thức trợ hứng vật vờ: thiên nhiên phải đi với các quán cà-phê, sự yên lặng cũng phải đi đôi với các quán cà-phê, không khó khăn quá sao?

Nhưng khi đã có đủ ba trợ hứng cần thiết rồi thì ta thấy nhà thơ tha hồ phóng bút làm thơ liên hồi về ba (lại ba) đề tài: tôn giáo, tình yêu, thiên nhiên. Đó là những đề tài chính yếu của thơ Phạm Thiên Thư. Đáng tiếc, tôi không có sự hiểu biết để nói về tôn giáo. Đáng tiếc hết sức, vì nó rất là quan trọng. Tôn giáo tỏa ảnh hưởng lên tình yêu, lên thiên nhiên, trong thơ Phạm Thiên Thư. Tôn giáo tạo cho thi sĩ một phong cách yêu đương riêng, và một phong cách riêng trước thiên nhiên.

Nếu khi tôn giáo cặp với ái tình nó có làm cho người đời ngỡ ngàng đôi chút, thì khi tôn giáo đi với thiên nhiên, cái thể hòa hợp thật là thoải mái. Mà chắc chắn trong trường hợp này chính Phạm Thiên Thư cũng thấy thoải mái nữa. Cho nên ông nói đến cái sức trợ hứng của thiên nhiên mà không đề cập đến sức trợ hứng của ái tình, mặc dầu sức ấy đâu phải không đáng kể.

Thiên nhiên trong thơ họ Phạm thật đẹp. Khi sáng khoái nhà thơ lên nương, và:

“Cấp theo cái nệm khô bầu
Ta ra mức nước bên cầu suối xanh
Vào bầu mây cũng xô nhanh
Ngẩn ngơ cảm thấy không đành bước đi.”
(*Nhớ trang trại hồng*)

Khi ngậm ngùi, ông trông ra một cảnh chợ xưa:

“Đêm đêm bày đóm xanh từng chiếc
Tụ giữa nền hoang nhóm lửa sầu.”
(*Đom đóm*)

Trang trại hồng đẹp mà động hoa vàng cũng đẹp, mây chảy vào bầu đẹp mà đom đóm tụ về

nền chợ cũ cũng lại đẹp nữa. Có con mắt nhìn ra cảnh đẹp đã quý, mắt Phạm Thiên Thư trông cảnh chẳng những thấy đẹp lại còn thấy ra đạo. Thế rồi trong cảnh chẳng những “trông” thấy đạo, ông lại “nghe” thấy đạo. Ngày thì:

“Trang kinh mây nổi trước hiên nhà.”

(*Kinh mây*)

Tối đến lại:

“Đêm nghe lau lách thâm thì

Họp nhau từng khúc kinh gì nửa khuya.”

(*Nhớ trang trại hồng*)

Nhưng cứ đi nhật nhạn chỗ này chỗ kia những câu nói về kinh kệ, về tiếng chuông tiếng mõ v.v. để cho rằng thiên nhiên trong thơ ông nhuốm mùi đạo thì dễ dãi quá. Những câu những chữ như thế chỉ là cái để phô ra; ông Phạm không cần phô ra: đạo nó đã thấm vào tâm hồn ông, nhập vào từng cảnh vật thiên nhiên quanh ông. Tôi đã gặp ở ông những bài ngũ ngôn tứ tuyệt cực hay, kể chuyện tang thương đau bể chuyện nghìn đời đau thương, trong những khung cảnh hoang phế điêu tàn, mà lời lẽ vẫn tất, ý tình kín đáo, không hề quá độ bi thảm. Tôi cũng gặp ở ông những buổi mai sáng lạn diễn bằng lời nhẹ nhàng khoan thai. Ở đây niềm vui không cưỡng quít, nỗi buồn không nã nề.

Giữa một thời ác liệt đầy âm thanh và cuồng nộ, ông giữ được quân bình an lạc trong tâm hồn: Do đạo đầy chẳng? Như thế hà tất dõi theo tiếng chuông tiếng mõ trong thơ ông làm chi.

Thành thử Phạm Thiên Thư có tu lại có tình, nhưng không phải tí ti *l'amour* tí ti *la foi*. Không phải thế. Ở đây tình yêu thì tha thiết, niềm tin thì chí thành. Không tí ti.

Phạm Thiên Thư xuất hiện muộn ngưng bút sớm, mà sự nghiệp thi ca của ông vẫn đồ sộ. Năm 1975, mới ba mươi lăm tuổi ông đã có ngót chục vạn câu thơ. Phong phú là một đặc điểm của thể hệ văn nghệ sĩ bảy giờ. Riêng ông Phạm, ông từng dùng đến những tiếng: vui óc, ốm người, mưa máu v.v... để nói về sự cố gắng của mình (Tạp chí *Bách Khoa*, số vừa dẫn); tuy nhiên người ta thấy có những trường hợp không có lý do để cố gắng ông vẫn làm thơ rất nhiều rất nhanh. Cuốn *Kinh Hiền* mười hai nghìn câu ông viết trong một năm rưỡi: việc đạo phải nỗ toàn lực nên thế. Còn cuốn *Quyển từ độ bỏ thôn đòai* gồm 111 bài thơ ông cũng làm xong chỉ trong vòng hăm ba ngày. Mỗi ngày năm bài thơ, đều đều. Lý do gì vậy?

Không ai đi trách một người... làm quá nhiều thơ. Duy không biết có phải cái lượng đã hại cái phẩm chẳng. Vì trong cái lượng đồ sộ nọ số dở khá nhiều. Trong lắm bài có những câu thật hay lạc vào giữa các câu dở làm ta tiếc ngẩn tiếc ngơ.

(*Võ Phiến*, Văn học Miền Nam, nxb. Văn Nghệ, Mỹ, 1999, bộ 7 quyển)

Phạm Thiên Thư
Thu Tứ

Mục lục :

Ngày xưa Hoàng Thị...

Áo thu

Bâng khuâng

Hạ hoa
Động hoa vàng 96-100
Em lễ chùa này
Hạ ca
Vàng tay
Vết chim bay
Uống rượu
Áo lụa
Ngập ngừng
Động hoa vàng 60
Tà dương
Chiếu hoa
Động hoa vàng 57
Gò đào
Biếc phố
Hoang phế
Động hoa vàng 30
Kính mây

Hần Phạm Thiên Thư không phải là nhà sư đầu tiên làm thơ tình. Nhưng ông là nhà sư làm thơ tình nổi tiếng đầu tiên. Tiếng nổi đáng lắm, vì thơ vừa hay vừa lạ.

Thơ tình PTT có gì lạ? - Nó nhẹ như khói, lãng đãng như sương, tuy nó chứa những cảm xúc yêu đương thiết tha không kém lòng yêu của bất cứ ai.

Lời tình tự của tu sĩ nó "khói sương" đến nỗi tưởng ta có thể nói nó đã thêm được một "kích thước" cho thơ tình. Chẳng phải khi lần đầu lời ấy khe khẽ cất lên, ta biết ngay mình đang nghe cái gì đó chưa nghe? Và chẳng phải sau đó ta dễ dàng tưởng tượng nếu lời ấy bỗng dưng biến mất, ta sẽ ngẩn ngơ, thấy như cả không gian thơ lãng mạn bỗng hẹp mất đi một chiều? Sau đây là một số bài thơ tình sương khói và đôi bài thơ đạo thơm như nhang của tăng thi nhân họ Phạm. Thi phẩm giá trị của người còn nữa, nhưng xin được dành cho dịp khác.

Ngày xưa Hoàng Thị...

Võ Phiến bảo "Cái tình của một người tu (...) có nét đẹp riêng (...) *Dáng em nho nhỏ* là hình ảnh quen thuộc của phần đông các cô gái trong thơ ca (...) Nhưng *cõi xa vời* là khung cảnh riêng của Phạm Thiên Thư (...) Ông thù thì thủ thi (...) kêu khe khẽ những lời ân tình tha thiết không chịu được. Tình yêu của ông thật tội nghiệp (...) vì bên cạnh các mối tình (...) lúc nào cũng thấp thoáng cái ám ảnh của kiếp sống mong manh" (xem *Văn học Miền Nam*).

... Mười năm trước, "anh đi theo hoài, gót giày thềm lặng". Mười năm sau, anh "tình cờ qua đây (...) tìm xưa quần quanh". Tìm sao cho thấy, vì trong mười năm ấy "đời như biển động" đã "xóa dấu ngày qua" rồi. Anh vừa "ngắt chùm hoa, mà thương mà nhớ", vừa giẫm lên "bụi đỏ" mà thấm thía cái nghĩa vô thường...

*em tan trường về
đường mưa nho nhỏ
chim non giấu mỏ
dưới cội hoa vàng*

bước em thênh thang
áo tà nguyệt bạch
ôm nghiêng cặp sách
vai nhỏ tóc dài
anh đi theo hoài
gót giầy thềm lặng
đường chiều úa nắng
mưa nhẹ băng khuôn
em tan trường về
cuối đường mây đỏ
anh tìm theo Ngọ
dáng lau lách buồn
tay nọ hoa thôn
vương bờ tóc suối
tìm lời mở nói
lòng sao ngập ngừng
lòng sao rưng rưng
như trời mây ngợp
hôm sau vào lớp
nhìn em ngại ngần
em tan trường về
đường mưa nhỏ nhỏ
trao vội chùm hoa
ép vào cuối vở
thương ơi vạn thuở
biết nói chi người
em mỉm môi cười
anh mang nỗi nhớ
hè sang phượng nở
rồi chẳng gặp nhau
ôi mới tình đầu
như đi trên cát
bước nhẹ mà sâu
mà cũng nhòa mau
tưởng đã phai màu
đường chiều hoa cỏ
mười năm rồi Ngọ
tình cờ qua đây
cây xưa vẫn gầy
phơi nghiêng ráng đỏ
áo em ngày nọ
phai nhạt mấy màu?
chân theo tìm nhau
còn là vang vọng
đời như biển động
xóa dấu ngày qua
tay ngắt chùm hoa
mà thương mà nhớ
phố ơi muôn thuở
giữ vết chân tình

*tim xưa quần quanh
ai mang bụi đỏ
dáng em nho nhỏ
trong cõi xa vời
tình ơi tình ơi!*

Áo thu

Trời xanh, áo hồng, lá vàng. Bỗng mất đi một màu, lạnh buốt!

*xưa em phơi áo giữa thu phong
lá vàng cài trên lụa rục hồng
nay áo đã cuốn về thiên cổ
lá vàng bay lạnh nỗi niềm không*

Bâng khuâng

Thơ bốn chữ vốn là vè, là số Táo quân, là văn chương rất đối bình dân. Nhưng thơ bốn chữ của Phạm Thiên Thư thì lại không bình dân chút nào. Trong bài sau đây, thơ nhẹ rơi rơi từng sợi... "bâng khuâng"! ("Gái có chồng" mà còn "bâng khuâng" "nhớ anh thôn hoa", chồng không cho về là phải! Mà bộ đi lấy chồng giấu "ai" hay sao mà "nghĩ ai còn chờ"?)

*chồng em khất khe
không cho em về
nhớ mẹ quê xa
xanh xao vườn cải
nhớ anh thôn hoa
vất vương nắng tái
nghĩ ai còn chờ
lòng sao ái ngại
vin chùm hoa dại
chiều nay bâng khuâng
mình gái có chồng*

Hạ hoa

"Đêm nghe thơ nhỏ
động đáy lòng ta..."
Thơ nho nhỏ, rơi rơi, nhưng đổ ai đọc rồi khỏi "dưng nhớ" niềm kia nỗi nọ!

*đêm nghe mưa nhỏ
động mái lều thơ
dưng nhớ người xưa
áo vàng thuở nọ
người tình nho nhỏ
nhỏ mãi trong ta
như chùm hạ hoa
buồn ơi, đốt thuốc
lần trang sách nhòa*

*này những đóa hoa
ép từ hạ cũ
tưởng em tóc rũ
trong dòng mưa sa*

Động hoa vàng 96-100

Động hoa vàng gồm 100 đoạn, mỗi đoạn 4 câu thơ lục bát. Về nội dung, liên hệ giữa các đoạn nói chung lỏng lẻo. Điều này cũng có chỗ hay, là người đọc có thể thường thức mỗi đoạn như một bài thơ độc lập.

Ngẫu nhiên, năm đoạn sau cùng của *Động hoa vàng* kết với nhau tương đối chặt, có thể xem như một bài thơ hai mươi câu. Hai mươi câu chót tóm tắt "thiền sư ỡm ờ" khá rõ: vừa tu vừa rượu (hơi quá chén nên mới "nằm say"), vừa tu vừa sát sanh, ăn mặn ("xuống đằm tát cá xâu cây"). Dĩ nhiên sư còn vừa tu vừa em, nhưng có lẽ vì đã em nhiều quá, em gần khắp mấy trăm câu thơ trước đó, nên đến đây thấy không cần nhắc nữa.

Tu ỡm ờ có ít nhất một chỗ hay, là nên thứ thơ thiền ỡm ờ rất ngộ.

Mai đây sư nhập niết bàn,

Tinh anh để *Động hoa vàng* cửa thơ!

*gối tay nệm cỏ nằm say
gõ vào đá tụng một vài biến kinh
mai sau trời đất thái bình
về lưng núi phượng một mình cuồng ca
gây giàn thiên lý vàng hoa
lên non cất cổ lợp nhà tụ mây
xuống đằm tát cá xâu cây
bới khoai vùi lửa nằm dài nghe chim
khách xa nhớ đến nhau tìm
lên đồi trẩy một giỏ sim làm quà
hứng nước suối thết bình trà
hái bầu nấu bát canh hoa cười khàn
vào hang núi nhập niết bàn
tinh anh nở đóa hoa vàng cửa khe
mai sau thí chủ nào nghe
tìm lên xin hỏi một bè mây xanh
hoa vàng ta để chờ anh
hiện thân ta hát trên cành tâm mai
trần gian chào cõi mộng này
sông ngân tìm một bến ngoài hóa duyên*

Em lễ chùa này

"Cùng em đi lễ" đủ bốn mùa mới phải "tiễn đưa em"... Nhưng em là tăng hay tục, là ni hay "cô"? Nếu em trong cửa tam quan thì làm sao đi lễ với "anh" được? Mà nếu em ngoài cửa tam quan thì sao lại "vào nằm trong đất (...)" vườn chùa?"

Dù sao,

"... Một nụ mai vừa nở trong nắng

Hỡi em ơi mây đã qua cầu"...

Thơ mà như nhạc! (Nên có người họ Phạm khác đem thơ làm nhạc!)

*Đầu mùa xuân cùng em đi lễ
Lễ chùa này vườn nắng tung bay
Và ngàn lau vàng màu khếp nép
Bãi sông bay một con bướm đẹp
Mùa hạ qua cùng em đi lễ
Trái mơ ngon đôi gió mơn man
Từ lò hương làn trầm nghi ngút
Khói hương thơm bờ tóc em rờn
Rời mùa thu cùng em đi lễ
Có con chim đậu dưới gác chuông
Hòa lời ca vào làn sương sớm
Gió heo may rụng hết lá vàng
Vào mùa đông cùng em đi lễ
Lễ chùa này một thoáng mưa bay
Và ngoài sân vài cành khô gãy
Gió lung lay một cánh lan gãy
Tàn mùa đông vào chùa bõ ngỡ
Tiễn đưa em trong áo quan này
Từng cội hoa trầm lặng thương nhớ
Tóc em xưa tơ óng như mây
Vườn chùa đây vào nằm trong đất
Nép bên hoa ôi những hoa vàng
Vườn đào tơ chập chờn cánh bướm
Bướm khua râu ngơ ngác bay ngang
Mộ của em mộ vừa mới lấp
Có con chim nào hót trên cây
Lời của chim chìm vào tiếng suối
Suối xanh lơ buồn khóc ai hoài
Rời từ đây vườn chùa thanh vắng
Đến thăm em ngày tháng qua mau
Một nụ mai vừa nở trong nắng
Hỡi em ơi mây đã qua cầu.*

Hạ ca

Guốc rơi thành "hạ ca", chân hồng lãng đãng thành "hạ vũ". Tai nghe ca, mắt trông vũ, Bụt ơi!

*Tóc xõa em về nghiêng nón hoa
Gió đùa tung giải áo thiết tha
Chân hồng lãng đãng trên đường phượng
Tiếng guốc rơi thành khúc hạ ca.*

Vàng tay

Cứ "buồn ơi, đốt thuốc" (1) buổi chiều này buổi sáng kia buổi tối nọ, bảo sao ngón tay chẳng dài. Nhớ đã "vàng tay", "đâu em có hay"...

*nước vẫn trôi đi
bao giờ ngời ngời
tình ta chung thủy
chẳng như dòng này
đâu em có hay
buổi chiều hôm nay
ta chầm điếu thuốc
nhớ dài ngón tay*

Vết chim bay

Chim có đậu nơi gác chuông, nên mới có vết chim đậu "in mãi bực thêm rêu".
"Tình sâu vô lượng" cũng có lần đậu trong lòng ai, nên nay ta mới có vết tình đậu in mãi
trên trang thơ...

*Ngày xưa anh đón em
Nơi gác chuông chùa nọ
Con chim nào qua đó
Còn để dấu chân in
Anh một mình gọi nhỏ
Chim ơi biết đâu tìm
Mười năm anh qua đó
Còn vẫn dấu chân chim
Anh một mình gọi nhỏ
Em ơi biết đâu tìm
Ngày xưa anh đón em
Trên gác chuông chùa nọ
Bây giờ anh qua đó
Còn thấy chữ trong chuông
Anh khoác áo nâu sồng
Em chân trời biển biệt
Tên ai còn tha thiết
Trong tiếng chuông chiều đưa
Ngày xưa em qua đây
Cho tình anh chớm nở
Như chân chim muôn thuở
In mãi bực thêm rêu
Cõi người có bao nhiêu
Mà tình sâu vô lượng
Còn chi trong giả tượng
Hay một vết chim bay*

Uống rượu

Chiều, bướm bay bờ suối, ngời nhớ tay "dan díu" nhớ tóc tỏa hương, rồi rượu tì tì mà
"quen say" vì "tình sâu vô lượng". Chao ôi, tu!

*hoàng hôn ven suối
vàng lau lách bay
đôi con bướm nhỏ
vẫn vờ rong ngày*

*nhớ chiều hạ nọ
dan díu bàn tay
lòng anh ngây ngất
làn hương tóc mây
giờ ai thêm nhớ
họa chẳng cỏ cây
bên suối uống rượu
buồn hoài quên say*

Áo lụa

"Ai kia" mơ hồ lắm, mà sao lại "chần chừ"? Để tóc với guốc với áo kịp hóa thơ chăng?

*một sợi tóc biếc
dài như mưa thu
lẫn trong sương mù
guốc nào động nhỏ
hoa nào rơi thưa
ai kia áo lụa
bước đi chần chừ*

Ngập ngừng

Đây không phải "ngập ngừng" lối Hồ Dzếnh: vì e "tình mắt vui khi đã vẹn câu thề". Đây là "ngập ngừng" lối Ngày Xưa Hoàng Thị...: "anh đi theo hoài, gót giày thềm lặng". "Theo Ngộ" mãi rồi cũng "trao (được) vội chùm hoa". Trông "nàng xếp lụa đào" mãi, không biết rồi "anh" có "nhờ (được) tay nọ" xếp cho cái áo cái quần gì chẳng.

*nàng xếp lụa đào
vào rương nhỏ nhỏ
còn anh quần áo
nửa đời lung tung
muốn nhờ tay nọ
lòng sao ngập ngừng*

Động hoa vàng 60

Sự tức thị không, không tức thị sự, mặc áo tức thị không mặc, không mặc tức thị mặc, hiểu chưa vạ ơi.

*hỏi con vạ đậu bờ kinh
có sao lận đận cái hình không hư
vạ rằng: thưa bác thiền sư
mặc chi cái áo thiền sư ốm ở*

Tà dương

Mặt trời xuống, mặt em lên, tình ơi!(2)

*ta dong xe ngựa
ven núi tà dương*

áo em phớt hường
trong chiều nắng quái
gò cương ngựa lại
chào em bên đường
tay vẫy tà dương
em là triều dương

Chiếu hoa

"Em" trao chiếu, "ta" lại ôm về "nỗi thiết tha"! Nằm trên thiết tha mà "tửu", chắc mau hết "e con gái"...

*Em lạc về rao bán chiếu hoa
Ta vốn e con gái đàn bà
Mua chiếc chiếu trải nằm uống rượu
Em vô tình trao nỗi thiết tha.*

Động hoa vàng 57

Lâu lâu ghé *Động hoa vàng* hít ngửi một nhành tâm hương.
"Hương lò cũ" đưa người về miền "đào tơ ửng má", tóc nào sương bay?

*dù mai lều cỏ chân trời
khơi hương lò cũ khóc người trong thơ
em còn ửng má đào tơ
tóc xưa dù có bây giờ sương bay*

Gò đào

"... nhận quà *sư* trao
tập thơ nhỏ nhỏ
má *cưng* ửng đỏ
hai gò chiêm bao..."
Lúc tụng kinh, lúc làm thơ cho "cưng", "ngộ ơ độ nào"!

*tóc cưng xóa biếc
tà áo bông đào
tay em hồng thạch
đôi nhành thanh cao
nhận quà anh trao
tập thơ nhỏ nhỏ
má em ửng đỏ
hai gò chiêm bao
thương ơ độ nào*

Biếc phố

Con đường ủ rũ, thời gian thờ dài, "đôi cánh mày ai (...) đậm nét cảm hoài bằng khuâng", ấy thế mà hồn người lại "nhẹ lâng lâng"! Hồn lâng lâng, chắc như "tóc bông bênh"...
"Hạt nào biếc phố long lanh". Phố nào biếc hạt mưa xanh một thời...

*Lắng nghe từng sợi mưa dài
Cơn mây xõa tóc bên ngoài hè xanh
Hạt nào biếc phỏ long lanh
Hạt nào cẩn ngọc trên nhành tay hương.
Lắng nghe ủ rũ con đường
Mùa thu lấp ló trên tường rêu hoang
Lắng nghe đôi ngọn lá vàng
Xạc xào như tiếng thời gian thở dài
Lắng nghe đôi cánh mây ai
Dường như đậm nét cảm hoài băng khuâng
Lắng nghe hồn nhẹ lâng lâng
Cảm ơn! Từng sợi tóc bông bèo mưa.*

Hoang phế

Bướm trắng "dõi chút hương", hay bướm trắng chính là chút hương đang bay chập chờn trong chiều "nắng lụn"...

*ven núi vàng trơ mấy bức tường
chiều chiều nắng lụn cú kêu sương
có con bướm trắng vương nền cỏ
lẫn giữa ngàn lau dõi chút hương*

Động hoa vàng 30

Thơ thần tim thơ, lại vào *Động hoa vàng* lúc nào không biết. Ngó quanh quất, chợt thấy tranh sông đẹp: có mây trắng ngậm nước cạn, có cỏ xanh ít vàng nhiều, chắc là sông miền Trung (!)...

*em nghiêng nón hạ cầu mưa
sông ngậm mây trắng nước chưa buồn về
hoa sấu cỏ cũng sấu chia
lơ thơ xanh tụ, đằm đĩa vàng pha*

Kinh mây

Trên trời nổi những "dòng mây", rồi trên giấy nổi những dòng thơ. Thơ như bóng của mây. Hình tan lâu rồi, bóng còn đây...

*trang kinh mây nổi trước hiên nhà
những dòng mây như những dòng hoa
gọi người nơi cõi mê bừng thức
đập tan cửa hoặc thoát hình ra*

**Phạm Thiên Thư - hồn thơ “không ngủ yên”
Vương Trí Nhàn**

Thi sĩ Phạm Thiên Thư, tác giả của 'Ngày xưa Hoàng thị', không "ngủ yên" như nhiều người vẫn nghĩ. Trong cuộc trò chuyện ngay tại quán cà phê Hoa Vàng của thi sĩ, ông hóm hờ khoe bài thơ tình mới nhất của mình và hứng khởi nói về thơ tình, những rung động đầu đời và những tâm sự riêng tư nhất.

- Trong những bài thơ tình đầu tiên và có thể nói là hay nhất của ông, ông luôn gọi nhân vật trữ tình là "người em nhỏ". Nàng thơ đó là ai vậy, một hay nhiều người?

- Nói một cũng được, mà nói nhiều người hay không là ai cả đều không sai. Đó là hiện thân cho cái đẹp nửa hư, nửa thực của cuộc đời này mà tôi luôn đi tìm.

- Ông đã thực sự có tình yêu lớn với một "người em nhỏ" nào chưa?

- Tình yêu với tôi chỉ là tình cảm man mác thôi. Nó chỉ đẹp khi còn giữ khoảng cách. Thời tôi nổi danh với *Ngày xưa Hoàng thị*, nhiều cô tuổi độ trắng tròn mê tôi, nhưng rồi tôi chỉ coi họ là bạn hay là một cái gì đó tương tự như vậy.

- "*Ngày xưa Hoàng thị*" có phải là bài thơ tình đầu tiên của ông?

- Không. Bài thơ đó nổi tiếng và ra đời trong khoảng thời gian tôi mới chập chững bước vào làng thơ nên nhiều người đã nghĩ như vậy. Còn bài thơ tình đầu tiên chính là bài *Vết chim bay* tôi viết năm 24 tuổi, lúc đã bước vào cửa chùa.

Năm đó, khi trở lại ngôi chùa mà gần 10 năm trước tôi đã gặp một cô nữ sinh vào đó học bài, thì tình cờ nhìn thấy nét phấn trắng tôi viết tên hai đứa vẫn còn in trên gác chuông. Chúng tôi chỉ quen nhau độ một tuần, rồi tự dưng cô ấy "biến mất" nhưng tôi cứ nhớ hoài vì khuôn mặt đẹp, thánh thiện như hình tượng Quan Thế âm Bồ Tát của cô ấy.

Bằng khung chuyện cũ, tôi đã làm bài thơ này: "Ngày xưa anh đón em/ Nơi gác chuông chùa nọ/ Con chim nào qua đó/ Còn để dấu chân in... Anh một mình gọi nhỏ/ Chim ơi biết đâu tìm...".

- Khi về già, người ta thường sống trong hoài niệm. Ông có hay nhớ đến những "nàng thơ" của mình?

- Tôi thường nghĩ về họ. Những người đẹp của lòng tôi thì dù đã thuộc về ai đó vẫn cứ nguyên khôi như thuở nào.

- Vì sao ông đã chọn cửa chùa để gửi cuộc đời mình vào đó và vì sao sau 10 năm lại chọn con đường hoàn tục?

- Tôi vào chùa vì một biến cố cá nhân. Còn sau đó, khi đã trải qua ngàn ấy năm trong cửa Thiền, tôi đã hiểu Thiền và quyết định hoàn tục với cái lý "người ta có thể tìm thấy chân lý của Thiền ngay trong cõi trần tục".

- Ông từng nói mình trở thành nhà thơ là chuyện... đột dưng. Thời trẻ, ông đã ước vọng gì về tương lai?

- Thời trẻ, bố tôi muốn tôi trở thành một người chiến sĩ có đủ chí khí và hiểu biết để phục vụ dân tộc. Nên lúc tôi mới 4-5 tuổi, bập bẹ được câu (có thể nghe ai đó) "Đêm còn tối tí bóng anh hào", và chỉ đọc câu đó thôi, ông cụ khoái chí bảo "Tiếp nữa đi!". Tôi lác đầu.

Sau đó ông đã viết thêm 3 câu nữa để thành một bài thơ đầy nghĩa khí có ý kỳ vọng vào thằng con trai. Nhưng trước sau, tôi là một người nặng tình cảm, nên cuối cùng chả làm được gì thỏa nguyện ông cụ. Ngay từ 3-4 tuổi, tôi đã thấy thích cái cảm giác lằng lằng mỗi khi lên núi Phụng Hoàng, ngồi lặng hàng giờ nhìn ngắm đất trời mênh mông. Nếu bố tôi thấy cảnh này chắc ông "tương" tôi ngay.

- Thuở nhỏ, ông thích leo núi. Trong đời mình, ông đã chinh phục đỉnh núi nào đáng kể nhất?

- Đó là “đỉnh thơ” Phạm Thiên Thư. Đến giờ này, tôi đã hoàn thành điều mà năm 20 tuổi mình đã ước nguyện là phải viết làm sao để tác phẩm của mình có thể sánh với những bộ sử thi đồ sộ của Ấn Độ xét về mặt... số lượng. Nếu hợp tác giữa nhà sách Cỏ Thơm và tôi tiến triển tốt, toàn bộ tác phẩm của tôi sẽ được in, dung lượng tổng cộng lên đến 126.000 câu thơ.

- Ông là nhà thơ tình. Quan niệm của ông về tình yêu?

- Chính tôi cũng không thể cắt nghĩa được tình yêu là gì. Nó có thể là một trạng thái tâm thần. Nhưng chính cái gì lung linh nhất lại là cái thật nhất. Có lẽ vì vậy mà trong đời mình, lúc hai người đã đi đến chỗ mến nhau thì tôi trốn chạy. Để còn cái gì luyến tiếc, rồi làm thơ!

- Trong “Động hoa vàng” ông đã vẽ nên một cảnh giới đầy huyền mộng trong đó toàn sắc vàng của hoa và hoa. Màu vàng có ý nghĩa thế nào với ông?

- Ký ức là một thế giới tâm linh vĩnh cửu bất tuyệt. Thuở nhỏ, tôi thường theo bố tôi lên núi Phụng Hoàng, nơi ông mua hẳn nửa quả đồi để khai thác đá trắng. Trên đó có nhiều hoa dại màu vàng, vàng ngọp cả khu đồi đá trắng. Hồi đó, tôi thấy thích chứ không biết diễn đạt thế nào. Sau này, khi làm thơ, tôi chỉ khẽ lay động ký ức, rồi tự nó bật dậy.

- Sống giữa Sài Gòn đông hội và là người ít khi đi đâu xa, làm sao ông có thể viết nên những vần thơ đắm thắm và lung linh đến như vậy?

- Có lẽ nhờ vào nguồn lực của Thiên. Mỗi lần cảm xúc đến, tôi khẽ nhắm mắt lại, thi tứ lại dâng tràn.

- Trong vòng 10 năm qua, ông có đến 30 đầu sách được in và tái bản. Ông đã dùng tiền nhuận bút vào việc gì?

- Tôi chưa bao giờ sống bằng nhuận bút. Trong số sách đã tái bản và in mới, một phần có tiền của mẹ tôi, một phần của bạn bè bỏ ra giúp đỡ. Tiền phát hành được tôi dùng để đãi bạn bè cà phê.

- Khi về già, người ta thường sống trong hoài niệm. Ông có hay nhớ đến những “nàng thơ” của mình?

- Tôi thường nghĩ về họ. Những người đẹp của lòng tôi thì dù đã thuộc về ai đó vẫn cứ nguyên khôi như thuở nào.

Phạm Thiên Thư Tuệ Lăng

Trước 1975, Phạm Thiên Thư đã rất nổi tiếng với những thi tác được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc trong Đạo ca, và giải Nhất văn chương toàn quốc với tác phẩm Đoạn trường vô thanh. Đọc những bài thơ tình của ông, không ai nghĩ ông đã từng trên 10 năm xuất gia tu hành nơi cửa Phật.

Con chim chết dưới cội hoa

Tiếng kêu rưng giữa giang hà xanh xao

Tiếng kêu của loài dị điều trong thơ ông thật bi thảm, vừa cất lên thì đã rưng xuống dòng sông rộng. Cái chết sinh ra để phụng hiến tình yêu. Yêu đến buồn chết, thật là khó để người đời hình dung một tu sĩ có đời sống phong kín nơi cảnh chùa lại có ý nghĩ như vậy. Nhưng Phạm thi sĩ đã viết ra vậy.

Tôi hay đến ngồi chơi với ông ở bên ngoài quán cà phê Hoa vàng ở Cư xá Bắc Hải. Một đôi dép nhựa, một túi xách lĩnh kính thợ, tài liệu, thuốc, ... dưới chiếc ghế xếp. Ông như một lão nông hiền hậu luôn tươi cười đón khách. Sau những vòng khói thuốc, đôi mắt như nhìn vào một cõi hư không nào đó. Hàng chục lần đến thăm ông, tôi vẫn thấy ông ngồi như vậy. Không biết ông viết khi nào nhưng số lượng những câu thơ, những tác phẩm ra đời đều đều. Đến nay ông đã viết được 126 nghìn câu thơ... Ông là người viết rất nhanh, lại viết theo kiểu “rót” thơ ra từ vô thức. Ông nói ông thi hóa Kinh Kim Cang trong 4 ngày, 10 bài Đạo ca ông chỉ viết trong 2 ngày, tập trường thi Động hoa vàng cũng chỉ 7 ngày liền động bút là xong...

Phạm Thiên Thư là người Việt Nam độc nhất đã thi hóa 7 bộ kinh Phật bằng một ngôn ngữ thuần Việt, sáng tác Từ điển cười (Tiểu luận pháp) bằng thơ, làm Từ điển châm ngôn, viết 3.320 câu lục bát kể chuyện lịch sử trong Hát ru Việt sử thi. Ông có rất nhiều kỷ lục, nhiều điều để tự hào, để kiêu hãnh, nhưng dường như ông không để ý đến những thứ ấy.

Ông khoái nhất là chuyện ông rất giống với cụ Nguyễn Du. Ông kể một tràng: 10 tuổi bố Nguyễn Du mất, tớ cũng vậy. Mẹ Nguyễn Du là một người phụ nữ đất quan họ Bắc Ninh, vợ lẽ dòng thứ hai. Gia đình cụ Nguyễn có bốn anh em, cụ lại sinh hạ được bốn người con (?). Tớ cũng y chang như vậy. Ông còn tâm đắc chuyện ông có ba bà vợ cả thảy, cụ Nguyễn Tiên Điền cũng chỉ có vậy, không hơn tớ... Cụ Nguyễn và tớ đều là tú tài. Cụ Nguyễn sống qua hai “chế độ” Lê mạt, Nguyễn sơ. Tớ cũng vậy. Cụ Nguyễn lưu lạc 10 năm ở Thái Bình, còn bố tớ quê chính cũng là Thái Bình. Cụ Nguyễn mất năm 1840 (?), đúng 100 năm sau, 1940 thì tớ ra đời...

Nói chung, thi sĩ họ Phạm “vận” hết mọi dữ kiện có thể có để thấy mình “giống y si” cụ Nguyễn Du. Thế nhưng, thực sự mẹ Nguyễn Du là vợ lẽ thứ ba của cụ Nguyễn Nghiễm, một đại quan có đến 8 bà vợ và 21 người con trai (chưa kể nữ nhi thường tình ?). Mẹ Nguyễn Du lại có đến 5 đứa con. Còn cụ Nguyễn mất năm 1820 chứ không phải 1840 như Phạm thi sĩ kể...

Song cũng có điều xác đáng gần gũi đại thi hào Nguyễn Du, ấy là Phạm Thiên Thư đã “dũng cảm” dám qua mặt cụ Nguyễn để viết lại Truyện Kiều. Ông đĩnh đạc “phá bỏ” thành tích đỉnh núi thơ ca dân tộc để viết Đoạn trường vô thanh, một tác phẩm xem như hậu Truyện Kiều. Và điều mà ông làm được hơn cụ Tố Như là đã cố gắng Việt hóa câu chuyện Kim Kiều để “sáng tác phải có cái riêng của Việt Nam” như ông nói. Ở thi phẩm này, ông còn hơn cụ Nguyễn Du những... 20 câu lục bát. Lục bát là một thể tính đặc thù của văn hóa Việt, trên hành trình sinh hóa của nó, Phạm thi sĩ chính là một trong những số ít nhà thơ đã chạy tiếp sức cho cụ Nguyễn Du một cách rất xứng đáng bằng những vần thơ sang trọng, tuyệt bích...

Tôi không rõ nét mặt của cụ Nguyễn Du, nhưng theo chính sử nhà Nguyễn đã ghi thì khuôn mặt cụ Nguyễn dường như nhàu nhĩ, in hằn nếp nhăn ưu tư về phận người trên mặt đất và sự chán nản cảnh quan trường gượng ép. Trong khi khuôn mặt Phạm tiên sinh ngời lên vẻ thanh thoát, cười cợt, vô ưu. Duy nhất là chiếc mũi lân, nhưng chẳng hề tỏ rõ chút quyền lực nào ?!

Không biết ông có phải “hậu thân” của Hồng Sơn lạc hộ (biệt hiệu của cụ Nguyễn Du) hay không nhưng chỗ ông trú ngụ hiện nay lại là đường Hồng Lĩnh, cũng là tên một ngọn núi ở Nghi Xuân, Hà Tĩnh, quê cụ Nguyễn. Chuyện “hậu thân” Nguyễn Du là Phạm Thiên Thư có lẽ nên hỏi con vạc đậu bờ kinh vậy:

Hỏi con vạc đậu bờ kinh

Có sao lặn độn cái hình không hư

Vạc rằng: Thừa bác Thiên Thư

Mặc chi cái áo Thiên Sư ốm ờ...

Theo Võ Phiến:

Nguyễn Du có Đoạn trường tân thanh, Phạm Thiên Thư có Đoạn trường vô thanh;

Nguyễn Du có thơ Chiêu hồn, ông cũng có Chiêu hồn ca. Mặt khác, Phật có kinh Kim Cương, kinh Hiền Ngụ, ông cũng phỏng soạn Kinh Ngọc, Kinh Hiền, Kinh Thơ v.v... Rồi sau tháng 5-1975 nghe nói có một độ ông toan vung bút làm sáng tỏ cách mạng giải phóng. Đòi ông từng bị thu hút ngược xuôi nhiều hướng. Nhưng Phạm Thiên Thư làm văn nô không thành văn nô, làm sư cũng không hẳn ra sư. Con vạc bờ kinh nó ghẹo ông:

“Hỏi con vạc đậu bờ kinh

Cớ sao lặn đậu cái hình không hư

Vạc rằng: Thừa bác Thiên Thư

Mặc chi cái áo thiền sư ỡm ờ.”

(Động hoa vàng)

Phạm Thiên Thư chỉ đóng trọn vai tuồng xuất sắc khi ông trở về với chính mình, tức một tu sĩ đa tình. Và trong vai tuồng ấy ông thật tuyệt vời, đáng yêu hết sức.

Thử tưởng tượng: Nếu Phạm Thiên Thư sớm tối miệt mài kinh kệ, một bước không ra khỏi cổng chùa, không biết tới chuyện hẹn hò, không hề lẻo đẹo đưa em này đi rước em nọ về v.v... thì nền thi ca của chúng ta thiệt thòi biết bao. Lại thử tưởng tượng Phạm Thiên Thư quanh năm suốt tháng chỉ những em này em nọ dập diu, nhớ thương ra rít, mà không màng tới kinh Hiền kinh Ngọc, không biết chuông biết mõ gì ráo, thì trong kho thi ca tình ái của ta cũng mất hẳn đi một sắc thái đặc biệt chứ.

Cho nên ông cứ ỡm ờ thế lại hay. Có tu mà cũng có tình. Cái tình của một người tu nó khác cái tình của người không tu, nó có nét đẹp riêng. Thật thế, khi yêu đương có lần ông kêu than vì một dáng hình mất hút:

“dáng em nhỏ nhỏ

trong cõi xa vời”

(‘Ngày xưa Hoàng thị...’)

.....Phạm Thiên Thư xuất hiện muộn ngưng bút sớm, mà sự nghiệp thi ca của ông vẫn đồ sộ. Năm 1975, mới ba mươi lăm tuổi ông đã có ngón chực vạ câu thơ. Phong phú là một đặc điểm của thể hệ văn nghệ sĩ bấy giờ.....

Vài bài thơ của Phạm Thiên Thư

Đan áo

Em ngồi đan chiếc áo len xanh
Hẹn gió thu về gửi tặng anh
Rồi bỏ đó em vào thiên cổ
Anh một đời ngóng áo thiên thanh.

Phơi áo

Xưa em phơi áo giữa thu phong

Lá vàng cài trên lụa rực hồng
Nay áo đã cuốn về thiên cổ
Lá vàng bay lạnh nổi niềm không.

Ngập ngừng

nàng xếp lụa đào
vào rương nhỏ nhỏ

còn anh quần áo
nửa đời lung tung
muốn nhờ tay nọ
lòng sao ngập ngừng

Quét Hoa

Hồn rơi theo từng cánh mang mang
Em bỗng đâu quét cội hoa vàng
Gom tình ta vào trong rổ trúc
Rồi lạnh lùng hất xuống tràng giang

Tà dương

ta dong xe ngựa
ven núi tà dương
áo em phớt hồng
trong chiều nắng quái

gò cương ngựa lại
chào em bên đường
tay vẫy tà dương
em là chiều dương

Quán Hoa Vàng Nguyễn Thị Hàm Anh

*Ta về rủ áo mây trôi
Gối trắng đánh giấc bên đồi dạ lan
Rằng xưa có gã từ quan
Lên non tìm động hoa vàng ngủ say*

Rất nhiều màu vàng khác nhau của hoa lan, cúc, điệp... Vàng của lan vũ nữ khác lan hài, vàng của cúc gấm khác cúc vạn thọ... Chắc chắn phải có những quán nào đó trong thành phố điểm trang cho mình các sắc vàng hoa đậm nhạt. Rất nhiều quán với hàng rào Loa Kèn, với bụi Trà, Hồng... Vô số hoa vàng nở khắp nơi nhưng chỉ duy nhất một Động Hoa Vàng thực sự ở Saigon. Bởi vì chủ nhân của nơi ấy là một nhà thơ.

Đó là một quán nước xinh xắn, rất trang nhã nằm trên con đường vắng vẻ gần trung tâm thành phố. Tên quán là Hoa Vàng và mọi người đều kêu đúng như thế. Một dàn huỳnh anh trên lầu, cội mai tứ quý trước cửa như đóng con dấu “gia huy” cho quán cùng với chút cỏ xanh, rêu biếc, sỏi trắng và mây bay trên trời... Chỉ riêng mình tôi vẫn thích gọi Động Hoa Vàng, mặc dù biết rằng giữa Động Hoa Vàng của ngày xưa và quán Hoa Vàng bây giờ thật khác xa, đã bao nhiêu nước chảy qua cầu, vật đổi sao dời suốt một quãng thời gian không ngắn. Dù sao, tên quán ngày nay cũng thoát thai từ Động Hoa Vàng ngày đó. Và chỉ là tên nói tắt cho tựa đề một bài thơ vốn đã được người yêu thơ ưa thích.

Chính là nhà thơ Phạm Thiên Thư. Tuy nhiên, những vần thơ đầu tiên của ông tôi được đọc trước kia lại không nằm trong cuốn sách nào riêng ông, mà là lời bạt cho một thi phẩm của Tuệ Mai. Tôi đọc hầu hết thơ Tuệ Mai vì tủ sách gia đình có gần đầy đủ các tác phẩm của bà gửi tặng cha tôi. Bìa sau cuốn Bay Nghiêng Vòng Đồi là những dòng giới thiệu đẹp: Thơ như giòng chim. Bay nghiêng rắng đỏ. Như chùm hương xưa. Cau thơm trái ngổ. Thơ như sợi gió. Đan thắm ngàn cây. Như cánh tơ mây. Mang mang phiêu dạt. Thơ là hạt cát. Cuối bãi sông Hồng. Như làn gió Đông. Giục đôi mai trắng. Thơ như suối lặng. Quạnh quẽ về xa. Như chim thiết tha. Trong vườn tịch mặc. Thơ là cỏ hạt. Vàng thắm Xuân Thu. Như trắng trầm tư. Trên giàn thiên lý. Thơ là gợi ý. Mở cửa vào đời. Là biếc trùng khơi. Ươm xanh mùa hạ. Rồi trải trên những trang thơ ngọt ngào tình tự của Về Phía Trời Xanh sau đó vẫn luôn là bóng dáng nhà thơ họ Phạm. Người về gieo hạt nắng trong. Cho tôi chấp cánh mở vòng chiêm bao. Cho tôi dòng biếc trắng sao. Tin Yêu đã tự kiếp nào thừa anh... Tóc tơ này cũng tạ ơn. Giấc hoa vàng nở cung đàn đồng tâm... Tình Yêu Mặt Trời đeo chuỗi âm thanh chim hót. Ngủ ngon lành trong tiếng hát ru em. Còn cất dành những tình tự của chiều êm. Để ấm áp ngày mai khi mặt trời đi vắng... (thơ Tuệ Mai). Cùng lúc tôi bắt đầu đọc Đoạn Trường Vô Thanh, Quyên Từ Độ Bỏ Thôn Đoài, Kinh Ngọc (thi hóa Kinh Kim Cương), Kinh Thơ (thi hóa Kinh Pháp Cú)...

Buổi sáng chủ nhật khô ráo của mùa mưa, một người quen rủ tôi đến quán Hoa Vàng uống nước. Quán thuận đường tới từ nhiều phía nên luôn có đông đảo dân văn nghệ ghé chơi. Suốt từ sáng đến trưa, cứ người này đứng lên, người khác ghé vào lấp kín ghế của ba bốn chiếc bàn kê liền lại. Có mặt đủ cả: họa sĩ, làm phim, viết văn... nhưng đông đảo nhất bao giờ cũng là người làm thơ. Quả nơi mỗi người Việt Nam đều sẵn chất thơ chảy trong dòng máu và sẵn sàng tuôn ra bất cứ lúc nào. Một vị ngồi cạnh đã đọc thơ của ông cho tôi nghe suốt mấy tiếng đồng hồ. Lần nào ghé tôi cũng được tặng mang về một, hai cuốn thơ. Đã qua thời chữ nghĩa bị in trên những tờ giấy Bãi Bằng vàng xòm nhòe nhoẹt. Giờ đây các thi nhân đã có thể cho ra đời những cuốn thơ trình bày trên giấy trắng láng, bìa cứng rất mỹ thuật và trang trọng. Cũng là một thú chơi tao nhã. Mọi người đọc thơ cho nhau nghe và tặng nhau những cuốn thơ mới ra mắt. Thơ thường chỉ để tặng bạn bè, có đâu bán được.

Hoa Vàng cũng như vài ba quán đặc biệt khác là nơi họp mặt bạn bè cùng giới. Tùy từng nhóm để chọn chỗ đóng đô, quận Một hay quận Ba, đầu này hay đầu kia thành phố. Thường là những quán vắng vẻ với chút ít bóng cây cối hiếm hoi của một thành phố ngày càng đông đúc chật chội. Quán hơi hẹp, chỉ kê được ba bàn kê luôn cả khoảng sân nhỏ lộ thiên bên cạnh nên mọi người thường thích ngồi ở vỉa hè đối diện, rộng rãi và mát mẻ dưới tàng cây xanh mướt nhìn sang bên kia đường là mặt tiền quán rất đẹp mắt, với tấm bảng tên khi nào cũng gọi nhớ đến những câu thơ đầy ắp hoa vàng. Nghiêng bình trà nhớ hương xưa. Từ vàng hoa nọ bây giờ vàng hoa... Ghé vào thế nào cũng gặp những khuôn mặt quen và Phạm Thiên Thư cùng ngồi đó. Đôi khi nhiều nhóm bạn đến cùng một lúc và ông phải đứng lên xách ghế, kê bàn, bưng thêm nước, ngồi với nhóm bạn này một lúc, tạt qua nhóm thơ kia một chốc. Chủ quán lúc nào cũng rất đổi bạn rộn thù tiếp khách thơ.

Bình thường, nhà thơ họ Phạm an vị trên chiếc ghế mây nhỏ cạnh cửa quán dưới bóng cây nguyệt quý. Buổi sáng mùa mưa không có nắng gắt và gió lồng lộng thổi xáo tác tán lá trên cao, không gian hiu hiu của thời tiết đang chuyển có vẻ dễ mang đến thi hứng dạt dào. Tôi ngồi đối diện nhưng không muốn tượng ra được hình ảnh của nhà sư bất bươm trong những giai thoại thi văn xưa. Phạm Thiên Thư có khổ người to ngang, tầm thước nhưng dáng điệu chậm rãi, cử chỉ điềm đạm và giọng nói nhỏ nhẹ. Ông trầm ngâm với điều thuốc thường xuyên trên môi, ánh mắt xa xăm và bao giờ cũng tập sách đặt trên gối, một quyển thơ vừa in hay tập bản thảo đang sửa. Nếu không có bạn bè ghé thăm, ông cứ ngồi như thế cả buổi, những điều thuốc lá cháy đỏ liên tục, tách cà phê đen nguội ngắt tự bao giờ và thời gian lặng lẽ trôi qua trên những tờ giấy lật trước mặt. Ông rơi vào thế giới của câu, chữ, vần, điệu, có vẻ ông chỉ tồn tại trong thơ, nhìn đời qua cái nhìn của một nhà thơ và một người thấm nhuần Phật pháp, cơ hồ cuộc sống chỉ rơi đến ông qua tấm màn ấy.

Nhà thơ nhìn tôi một lúc, ông hỏi tôi đang làm thơ phải không, trông tôi có vẻ “thiền” lắm! Tôi mỉm cười, chắc là sức khỏe hao mòn hiển hiện nên ông mới nhận xét thế chứ khỏe mạnh thì về mặt tôi chẳng tính chút nào. Ông lại đoán thêm vài câu nữa nhưng đó là những sự việc sẽ xảy ra trong tương lai và phải đợi đến hai năm nữa tôi mới nghiệm được sai hay đúng. Ông tự giới thiệu mình là nhà ngoại cảm nên có thể đọc được quá khứ vị lai. Ông còn bày cách tập trung ý nghĩ để tạo nên luồng nhân điện, tôi thấy mình thực hành không nổi. Những người quen hành thiền thường có khả năng tập trung cao độ, đầu óc tôi khi nào cũng lang bang ngoài đường ngoài phố, điệu vội nơi góc biển chân trời làm sao túm nhất. Còn lâu tôi mới bắt được trâu, cưỡi được trâu... để thả thoi vào chợ.

Phạm Thiên Thư hỏi han bệnh tình của tôi, ông đưa hộp dầu cao nhỏ bảo tôi thoa lên một số huyết. Vốn xuất thân trong gia đình chuyên về Đông y, ông đã nghiên cứu để sáng lập ra một trường phái chữa bệnh bằng Nhân điện được mệnh danh là bộ môn Điện công Phathata (Pháp - Thân - Tâm). Ông đã chữa trị nhiều bệnh nhân với những chứng bệnh khác nhau, có thời gian báo chí từng đề cập đến, ông cũng đi nói chuyện các nơi để quảng bá cho phương pháp chữa bệnh mới mẻ này. Vốn là nhà thơ với sức làm thơ mạnh mẽ, ông đã viết bộ Từ Điển Cười, cứ mỗi từ là một bài thơ tứ tuyệt vui giỡn mà ông gọi là Tiểu Liệt Pháp, mang tiếng cười, niềm vui tới như liều thuốc bổ nhằm giải trí, thư giãn thần kinh, đẩy lùi bệnh khổ. Những độc giả từng quen thuộc với Em nghiêng nón hạ cầu mưa. Sông ngậm mây trắng nước chưa buồn về... có thể thấy hơi “chỏi” với những dòng thơ trong tự điển, ví như tra đến từ BÁNH CANH. Bún lớn, giò heo, chan nước lèo. Sườn om mấy miếng, rắc hành theo. Lại thêm tiêu ớt – thơm từng bát. Trời lạnh, thìa đưa – ngón hết vèo... Có đến bốn mươi lăm loại bánh ở đây. Quyển tự điển này chỉ mới từ vần A đến hết vần CH với năm ngàn ngữ nghĩa đã dày hơn chín trăm trang và sẽ tiếp tục in vài bộ nữa cho những vần tiếp theo.

Phạm Thiên Thư làm thơ ào ạt, thơ tuôn trào như không thể dừng lại. Ngoài Từ Điển Cười, đã tái bản Hội Hoa Đàm phổ thơ Kinh Hiền Ngu, Đoạn Trường Vô Thanh..., đồng thời xuất bản những tác phẩm sau này như Hát Ru Lịch Sử là trường ca lục bát thi hóa lịch sử Việt Nam, điện công Phathata dưỡng sinh, Tìm Động Hoa Vàng, Từ Điển Chân Ngôn, Huyền Ngôn Xanh... tác phẩm cuối này là một loại thơ xuôi được chia thành nhiều phẩm, chuyên chở những suy tưởng mà tác giả chiêm nghiệm trong suốt cuộc đời mình: ...Kẻ đắc chí cả cười, mắt cũng rung lệ. Người thất cơ thắm khóc, nước mắt ướt đầm chéo khăn. Được – mất, khóc – cười, hạt nước mắt đều tròn giống nhau... (phẩm Khóc Cười);... Những loài hoa không tranh cãi nhau ngoài đồng về phẩm giá của mình. Cái đẹp chỉ đẹp trong muôn ngàn hương sắc, hưởng chỉ chúng ta cứ muốn giành lấy sự toàn vẹn cho riêng mình... Ai cũng giành trồng những loại hoa quý cho riêng mình, chẳng ai chịu tươi xanh một thảm cỏ cho châu chấu cư ngụ. Chỉ có lòng Trời là rộng lượng với muôn loài... (phẩm Hoa Hương).

Tác phẩm của Phạm Thiên Thư có thể chia thành sáu loại. Thơ phổ kinh Phật, thơ tình, thơ cười, chân ngôn, sử thi và dưỡng sinh. Riêng Chân Ngôn, Sử và Thơ Phạm Thiên Thư gồm

một trăm hai mươi lăm ngàn câu. Đọc xong Vua Núi Vua Nước mà nhà thơ cho biết gói ghém nhiều tư tưởng, quan điểm của ông trong đó. Tôi hỏi ông còn làm thơ tình không. Phạm Thiên Thư cười nói vẫn còn, ông tặng tôi thêm photo bản thảo cuốn Những Lời Thợ Dệt, và nói thêm thơ tình chỉ là một phần của cuộc sống đa dạng, nên mới có chân ngôn, huyền ngôn, thơ cười... để thấy cuộc sống khác hơn, rộng và mới hơn. Ông không muốn chỉ gói gọn sự nghiệp thi ca trong Đoạn Trường Vô Thanh, Ngày Xưa Người Tình..., ông mong được mọi người biết thêm ý nghĩ, tư tưởng của mình dù vẫn qua hình thức thơ nhưng trên những địa hạt khác. Nói chuyện với nhà thơ hồi lâu tôi mới nhận ra những câu chuyện của ông thường bị lẫn lộn các chi tiết. Càng gặng, ông trả lời càng rối rắm. Kiên nhẫn hỏi từng câu ngắn, một lúc sau tôi mới rõ. Một ngày cách đây năm năm, ông đột nhiên mất đi phần lớn khả năng ngôn ngữ. Ông vẫn khỏe mạnh, hiểu biết mọi chuyện, đầu óc vẫn tỏ tường minh bạch nhưng không thể diễn giải lời nói một cách trôi chảy, rõ ràng. Ông không nhớ tên người bạn thân bốn chục năm hàng ngày gặp mặt, không thể ký tặng sách nếu không nhìn vào tờ giấy viết sẵn để chép lại, thậm chí đôi khi không gọi được danh tính của chính mình... Chứng này có thể dần dần hồi phục hoặc mãi mãi không khỏi, y nguyên tình trạng như vậy suốt đời.. Nhưng Phạm Thiên Thư không buồn. Miệng ông cười mở rộng, tươi vui nhẹ nhõm, ông bảo nhớ càng tốt, quên cũng chẳng sao. Những gì cần viết ông đã viết cả rồi, tất cả khối lượng tác phẩm đồ sộ kể trên đã được hoàn tất trước thời gian lâm bệnh. Bây giờ ông chỉ đọc để sửa chữa thôi. Năm năm nay ông không làm thơ, không viết gì cả. Một nhà thơ không còn thể làm thơ, chỉ là sự ngẫm ngợi...

Ông lại đốt điếu thuốc mới, ngọn thuốc theo nhau cháy đỏ giữa hai ngón tay. Chưa tàn tạ cuộc phù vân. Ông vẫn ngồi đó yên lặng với tập bản thảo trên tay, trở về vẻ trầm lắng như chỉ trong phút chốc khi qua câu chuyện, rời khỏi cuộc sống đời thường, ông lại đắm chìm vào cõi thơ, vào những câu chữ vần điệu đã trở nên mờ ảo như làn khói sương tỏa ra từ đầu điếu thuốc. Cuối cùng, có lẽ như tấm bảng tên của quán nước phía trên, đọng lại nơi ông, trong lòng người yêu thơ, vẫn mãi là những vần thơ hoa vàng ngày ấy.

Phạm Thiên Thư: Người tu sĩ lãng mạn Trương Văn Khoa



Sài Gòn có một quán café "Hoa vàng", trước kia còn gọi là "Động hoa vàng". Quán nằm ở Ngã Tư Bảy Hiền, trang nhã, tĩnh mịch và rất nên thơ. Khách thường là những người đứng tuổi. Ai vào, nếu để ý một tí sẽ thấy một "lão nông" ngồi lặng lẽ ở góc nhà. Đó chính là thi sĩ Phạm Thiên Thư, tác giả những bài thơ nổi tiếng được Phạm Duy phổ thành những tình khúc bất hủ.

Ngày xưa Hoàng Thị...



Mỗi khi căn phòng vang lên giai điệu mượt mà "Em tan trường về, đường mưa nhỏ nhỏ, anh theo Ngọ về...", ông lại nhắm mắt, ngồi bất động như một vị thiền sư, thả hồn về những dĩ vãng xa xưa...Ngày ấy, trên con đường trải nắng vàng, cậu học trò lặng lẽ theo sau cô gái tên Ngọ đi học về, nàng mặc áo dài trắng, tay ôm cặp, mái tóc xoã ngang vai... Chàng si tình, để lại những vằn thơ xót xa và lung linh mãi đến sau này...

*"...Em tan trường về
Cuối đường mây đỏ
Anh tìm theo Ngọ
Dấu lau lách buồn...
...Em tan trường về
Đường mưa nhỏ nhỏ
Trao vội chùm hoa
Ép vào cuối vở..."*

Có thể nói rằng, vào những năm của thập kỷ 70, bài thơ "Ngày xưa Hoàng Thị.." là một tuyệt tác. Sau khi Phạm Duy phổ nhạc, tác phẩm đã trở thành một hiện tượng tại miền Nam. Thanh Thúy là ca sĩ đầu tiên thể hiện thành công bài hát này. Lúc bấy giờ, trên các báo phát hành ở Sài Gòn, người ta thường nghi vấn và đặt dấu hỏi, nhân vật chính trong "Ngày xưa Hoàng Thị" là ai? Một vài người tự nhận là mình, số khác lại bình thơ rồi cho rằng nhân vật chính trong thơ là cô A hoặc cô B nào đó... Đến khi các phóng viên gặp Phạm Thiên Thư hỏi chuyện, ông nói rằng, người đẹp trong ca khúc là cô Hoàng Thị Ngọ, nhưng không hiểu tại sao nhiều người thời bấy giờ vẫn không tin ?

Quê ông ở Kiến Xương, Thái Bình nhưng lại sinh ra ở Lạc Viên, Hải Phòng. Năm 1954, khi mới 14 tuổi, ông theo cha mẹ di cư vào miền Nam, cư ngụ tại khu Tân Định, Sài Gòn. Đó là một căn nhà nhỏ nằm đằng sau chợ Tân Định cách trường Trung học Văn Lang, nơi ông học, gần một cây số. Học xong Tú tài, Phạm Thiên Thư theo học trường Phật học Vạn Hạnh, chọn cửa Phật làm chốn dừng chân và gửi hồn vào cõi Thiền.

Nhà thơ Phạm Thiên Thư, người đã thi hóa Kinh Phật, ông xuất hiện trong làng thơ như một người tu sĩ, rao giảng Phật Pháp bằng thi ca như Kinh Ngọc, Kinh Hiền, Kinh Thơ, Chiêu Hồn Ca, Đoạn Trường Vô Thanh,..Thơ Phạm Thiên Thư nửa đời, nửa đạo, tâm linh khác thường, làm cho độc giả lãng đãng và ngẩn ngơ:

*"...Em làm trang tôn kinh
Anh làm nhà sư buồn
Đêm đêm buồn tụng đọc
Lòng chợt nhớ vương vương
Đợi nhau từ mấy thuở"*

*Tim nhau cõi vô thường
Anh hóa thân làm mục
Cho vừa giấy yêu đương..."*
(Pháp Thân)

Thế giới thi ca Phạm Thiên Thư giúp chúng ta khám phá thêm những cửa ngõ mới lạ, phong phú về tôn giáo, tình yêu và thiên nhiên. Bài thơ "Ngày xưa Hoàng Thị..." ra đời trong lúc ông mới chập chững bước vào làng thơ nên nhiều người nghĩ đó là bài thơ đầu tay. Thật ra, bài thơ đầu tiên chính là bài "Vết chim bay", lúc ông mới 24 tuổi, còn nương nấu ở cửa chùa.

Ngày ấy, có một nữ sinh thường vào sân chùa tìm nơi tĩnh lặng để học bài. Cô đẹp và thánh thiện như ánh sáng của Quan Thế Âm Bồ Tát, Phạm Thiên Thư đem lòng thương mến. Hai người quen nhau độ mười ngày, một buổi chiều như bao buổi chiều khác, ông ngồi ở hiên chùa đợi mãi nhưng chẳng thấy bóng dáng cô. Nàng ra đi chẳng một lời từ biệt để lại sự đơn cô và nuối tiếc cho chàng trai mới lớn. Mười năm sau, khi trở lại chùa xưa, tình cờ nhìn thấy nét phấn trắng ghi tên hai đứa vẫn còn trên gác chuông, lòng băng khuâng chuyện cũ, Phạm Thiên Thư đã viết nên bài thơ này:

*"Ngày xưa anh đón em.
Nơi gác chuông chùa nọ.
Con chim nào qua đó.
Còn để dấu chân in...
Anh một mình gọi nhỏ.
Chim ơi biết đâu tìm..."*

Tình yêu trong thơ Phạm Thiên Thư thánh thiện, nhẹ nhàng và kín đáo. Chút bẽn lẽn, khẽ chạm mà không dám "tay trong tay" vì sợ tình sẽ tan biến thành khói sương. Đạo Phật ảnh hưởng và tạo nên một không gian ái tình riêng trong thơ Phạm Thiên Thư. Nó làm cho người đời ngỡ ngàng, đắm say trong thế giới thi ca huyền diệu của thi sĩ.

Theo ông, Hoàng Thị Ngọc trong bài thơ "Ngày xưa Hoàng Thị" chỉ là kỷ niệm, một mối tình thoáng nhẹ vu vơ thời trai trẻ. Trong những năm Tú tài, ông đã để ý một cô bạn học cùng lớp tên là Hoàng Thị Ngọc, cô gái đó quê gốc Hải Dương và ở gần nhà ông. Sau này, ông tìm lại cố nhân nhưng người hàng xóm cho biết, bà Ngọc đã bán nhà và dọn đi nơi khác từ lâu.

Ngày ấy, mỗi khi xếp hàng vào lớp, cô gái đứng ở đầu hàng bên nữ, nổi bật, mái tóc dài xoã trên bờ vai mảnh dẻ. Ông chỉ im lặng ngắm nhìn. Khi tan trường, cô gái một mình trên đường về nhà, ông lại là kẻ lẻo đẻo theo sau: "Cô ấy ôm cặp đi trước, tôi đi theo nhưng không dám lên tiếng. Trong bóng chiều tà, ánh nắng hắt qua hàng cây, cô ấy lặng lẽ bước, gây cho tôi những cảm xúc băng khuâng khó tả. Cứ thế, tôi chỉ biết lặng lẽ đi theo sau cô ấy hàng ngày, giấu kín những cảm xúc của mình không cho bất cứ ai biết". Và một lần đắm chìm trong cảm xúc ấy, ông đã cầm bút viết lên bài thơ "Ngày xưa Hoàng Thị".

Những năm sau này, mỗi khi đi ngang lại con đường của một thuở yêu đương, hình ảnh cô gái với mái tóc xoã ngang vai lại hiện về trong ông:

*"Em tan trường về.
Đường mưa nhỏ nhỏ.
Chim non giấu mỏ.
Dưới cội hoa vàng..."*

Giờ đây, Hoàng Thị Ngọc đã định cư ở Mỹ. Hơn 50 năm, nơi phương trời xa xôi, cô nữ sinh ngày ấy có còn nhớ...

*"...Tìm xưa quần quanh
Ai mang bụi đỏ*

*Dáng em nhỏ nhỏ
Trong cõi xa vời
Tình ơi! Tình ơi!"*

Một lần, có người hỏi ông "Thế khi nào mọi người mới biết tới những bài thơ của bác?" Phạm Thiên Thư trả lời: "Ấy là khi chúng tôi nhờ nhạc sỹ Phạm Duy phổ nhạc 10 bài Đạo ca do tôi viết lời, Phạm Duy gặp và tình cờ đọc được tập thơ của tôi. Tôi cũng không nghĩ Phạm Duy lại thích bài thơ Ngày xưa Hoàng thị đến thế, ông đề nghị phổ nhạc bài thơ đó. Dĩ nhiên được một nhạc sỹ nổi tiếng như Phạm Duy để ý đến bài thơ của mình thì có gì hạnh phúc bằng. Và tôi cũng bất ngờ nghe lại bài thơ của mình khi đã phổ nhạc. Nhạc sỹ đã tôn bài thơ lên rất nhiều qua những giai điệu nhạc bay bổng".

Cha Phạm Thiên Thư tuy làm nghề bốc thuốc Bắc nhưng thảnh thơi vẫn làm thơ. Ông còn nhớ, cha ông đã từng đạt giải Nhì về thơ do một tờ báo ở Hà Nội tổ chức. Phạm Thiên Thư làm thơ để trải lòng mình chứ không làm thơ chuyên nghiệp. Vì vậy mãi đến năm 1968, ông mới tự xuất bản tập thơ đầu tiên, chủ yếu để tự đọc, tặng một số bạn bè thân. Thật ra, trong cuộc đời sáng tác, Phạm Thiên Thư chẳng muốn ai biết về mình.

Thoáng hương qua



Năm 1964, nhà thơ Phạm Thiên Thư xuống tóc, đi tu ở một ngôi chùa với Pháp danh là Thích Tuệ Không. Trong 9 năm tu hành (1964 -1973), ông đã chứng kiến một cuộc tình giữa chú tiểu và một cô bé Phật tử. Chàng 16 tuổi và nàng cũng gần tuổi đấy. Tình yêu vừa chớm như những bông hoa nở sớm sau sân chùa. Cứ mỗi lần, chú tiểu đánh chuông, cô bé đứng bên nhìn và tụng niệm. Trong lời khẩn nhỏ ấy, cô nguyện cầu cho 2 đứa được bên nhau mãi mãi...

*Đâu xuân em lễ chùa này
Có búp lan vàng khép nép
Vườn trong thoáng làn hương bay
Bãi sông lạch con bướm đẹp*

Mùa xuân quen nhau, mùa hạ cùng em đi lễ... Rồi mùa thu, mùa đông, hai người vẫn yêu thương tha thiết, bốn mùa hẹn nhau trong ngôi chùa cổ, có lò hương với làn trầm nghi ngút:

*Vào hạ em lễ chùa này
Trên đồi trái mơ ửng chín
Lò hương có làn trầm bay
Vờn trên bờ tóc bện rịn*

Chiến tranh loạn lạc, cuối mùa đông năm ấy, cô bé chết trong trong lúc chạy trốn những cuộc hành quân. Trong mưa bay và gió lạnh, chú tiểu gạt nước mắt đưa tiễn người yêu trong chiếc áo quan đơn sơ và mộc mạc như chính tình yêu của họ:

*Sang đông em lẽ chùa này
Ngoài sân có mưa bụi bay
Hắt hiu trong cảnh gió bắc
Vườn chùa rụng cánh lan gầy
Cuối đông đưa em tới đây
Trong lòng áo quan gỗ trắng
Tóc em tợ óng làn mây
Cội hoa tường ai trầm lặng*

Gia đình đưa xác cô an táng sau chùa, nơi những bông hoa vẫn còn nở. Mỗi buổi chiều, chú tiểu đến bên mộ, thắp hương và ngồi mãi cho đến khi hoàng hôn buông xuống...

*Em vừa nằm xuống đất này
Vườn trong có bông đào nở
Con bướm chập chờn hương bay
Quơ sợi râu vàng bờ ngõ
Nắm đất nào vừa lấp mộ
Có con chim hót đầu cành
Tiếng tan trên giòng suối xanh
Nước ơi sao buồn nước nở
(Em lẽ chùa này)*

Mỗi cuộc tình đều có những kết thúc khác nhau. Có người đến đỉnh cao của hạnh phúc, tràn ngập niềm hân hoan vô bờ bến. Có kẻ rơi xuống vực sâu của bất hạnh, ôm lấy đơn côi trong im lặng và nước mắt. Cho dù âm dương cách biệt ngàn trùng, tình yêu ấy vẫn tươi đẹp, sáng lung linh và huyền diệu. Cõi người vẫn tin rằng, họ vẫn yêu thương nhau, con tim vẫn thổn thức một lời hò hẹn từ kiếp trước. Và như thế, trong ánh sáng huyền diệu của Phật Pháp, họ không còn bên nhau nữa nhưng tình yêu vẫn lóng lánh như những giọt sương còn đọng lại trên những bông hoa nở sớm sau sân chùa.

Câu chuyện hoàn toàn có thật, Phạm Thiên Thư xúc động và sáng tác bài thơ nổi tiếng: "Thoáng hương qua". Sau này, Phạm Duy phổ thành nhạc phẩm "Em lẽ chùa này" và ca khúc đã đi vào lòng người cho mãi đến giờ. Sau này, Phạm Duy còn phổ nhạc thêm một số bài thơ tình khác của ông như: Đưa em tìm động hoa vàng, Gọi em là đoá tình sầu,... Tất cả những ca khúc này đều nổi tiếng và được mọi người biết đến. Sau 1975, Phạm Thiên Thư lui về ở ẩn. Từ năm 1976 đến 1981, để mưu sinh, Phạm thi sĩ mở quán hớt tóc ở Lăng Cha Cả. Giai đoạn (1981 - 1983), ông bán tạp hoá, rượu thuốc, trà đá... ở đường Lý Chính Thắng. Sau 1983, Phạm Thiên Thư nghiên cứu, sáng lập và truyền bá môn dưỡng sinh PHATHATA (Pháp - Thân - Tâm). Sau đó, ông được bác sĩ, nghệ sĩ Trương Thìn, Viện trưởng Viện Y học dân tộc mời về cộng tác với Viện. Trong suốt thời gian này, Phạm Thiên Thư thỉnh thoảng cho đăng báo những bài thơ ngắn. Đôi lần, giới văn nghệ sĩ lại gặp ông đến dự họp ở Hội Nhà văn TP.HCM. Thời gian sau này, Phạm Thiên Thư thực sự trở lại và hoà nhập với văn đàn khi trường ca "Đoạn Trường Vô Thanh" của ông được tái bản một cách trang trọng.

Ngày Xuân tìm Động hoa vàng
Đặng Tiễn

Nhà thơ Phạm Thiên Thư là một tác gia dồi dào, đã in ra hàng vài ba trăm ngàn câu thơ, có lẽ kỷ lục về số lượng trong nền văn chương tiếng Việt, vượt xa Bùi Giáng.

Nhưng câu thơ được biết nhất, trước sau vẫn là :

*Rằng xưa có gã từ quan
Lên non tìm động hoa vàng ngủ say*

Câu thơ trích từ đoạn 41 trong trường ca *Động hoa vàng*, gồm 100 đoạn 4 câu, làm theo thể lục bát cổ điển, nhưng qua hàng lên xuống theo nhiều dạng khác nhau. Tác phẩm in năm 1971, không ghi nhà xuất bản ; bài thơ nổi tiếng nhờ Phạm Duy phổ nhạc nhiều đoạn dưới tên *Đưa em tìm động hoa vàng* cùng một lần với nhiều bài thơ khác của tác giả : *Ngày xưa Hoàng thị, Em lễ chùa này...* Phạm Thiên Thư nổi danh từ đấy.

Thơ lạ, nhạc hay, đã dành. Nhưng còn thêm lý do tâm lý quần chúng : những bài thơ tình này là của một nhà sư có pháp danh Tuệ Không , tu tại Thiền viện Pháp Vân 1964-1975, Sài Gòn. Cùng thời điểm này, hay trước đó, tu sĩ Tuệ Không đã chuyển ngữ Kinh Phật Kim Cương ra thơ Việt, dưới tên *Qua suối mây hồng*, xuất bản 1971, kèm theo hai tùy bút văn xuôi, *Ngã pháp mây nổi* và *Hiện hóa pháp*, viết 1969, giúp ta hiểu thêm tâm tưởng Phạm Thiên Thư, hơn là những bài thơ đôi khi trầm bổng qua vần điệu.

Động hoa vàng chứng tỏ tài hoa của tác giả, nhưng ít người quan tâm đến nét thâm trầm của những câu thơ, nói chung là diễn tả giấc mơ thoát tục của con người trong một giai đoạn nhiễu nhương, đồng thời niềm hoài vọng hướng về quá khứ xa xưa của dân tộc, nhớ nhung nhiều kỷ niệm cũ càng, có thật hay hư tưởng, từ quê hương thôn dã, một thuở thanh bình đã phôi pha.

Rằng xưa có gã từ quan...

Chúng ta tìm hiểu câu thơ. Muốn từ quan thì phải làm quan, thường là quan to, bậc khoa bảng, thành phần giai cấp quyền lực. Tác giả đã hạ giá danh vọng bằng từ « *gã* » bình dân, thân mật. Bình thường không ai gọi ông quan bằng « *gã* ». Và « *gã* » đây là ai ? Suốt tập thơ *Động hoa vàng*, bốn trăm câu, ta không biết. Muốn biết, ta phải đọc *Đoạn trường vô thanh*, phổ biến năm sau, nhưng có lẽ sáng cùng lúc. Câu 621 :

*Học đòi theo gã Từ quan
Bên chùa cỡi áo chuộc nàng dưới hoa
Mái chèo lẳng đặng yên ba
Thần Phù xõa tóc la đà rong chơi*

Rõ là chuyện Từ Thức trong *Truyện kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ, học trò giỏi của Nguyễn Bình Khiêm, thời Mạc. Từ Thức làm quan tri huyện, có hôm đi chùa xem hội hoa. Một cô gái trẻ, lỡ làm gãy hoa, bị bắt đền, Từ Thức đã « *cỡi áo cừu gấm trắng* » để chuộc lỗi cho người con gái. Người xưa « *khen quan huyện là người hiền đức* »¹. Ngày nay ta gọi là hào hoa, thậm chí bay bướm. Sau đó, không chịu sự ràng buộc của quan trường, Từ « *bèn cỡi trả ấn tín, bỏ quan mà về* », rồi dong buồm chơi cửa bể Thần Phù, lạc vào động tiên, gặp lại cô gái vốn là tiên, tên Giáng Hương, cưới làm vợ, rồi trở về trần. Trong động tiên cũng có « *hoa vàng* » lọt vào cửa sổ :

*Một đêm gió thổi nguyệt đầy non
Rèm cuộn hoa vàng lọt cửa son
(Trúc Khê dịch)*

Trở lại câu thơ « *tim động hoa vàng ngủ say* ». Lên đến hang động heo hút mà chỉ để « *ngủ say* » thôi ư ? Trong lối hiểu thông thường, thì ngủ say đây là cách quên công danh, những hệ lụy công danh, mà cũng là cách quên đời. Người xưa có lúc lấy giấc ngủ làm hạnh phúc, như trong bài thơ *Khúc ca thích ngủ*, cũng trong *Truyện kỳ mạn lục*, nhắc lại giấc ngủ của danh

nhân như Khổng Minh, Trần Đoàn, Đào Tiềm, Chu Liêm Khê ². Biết điển cố này ta hiểu sâu sắc hơn hai câu thơ, cùng trong đoạn 41 :

*Ta về rũ áo mây trôi
Gối trắng đánh giấc bên đồi dạ lan
Rừng xưa có gã từ quan...*

« Ngủ » là trạng thái thụ động có tính cách phủ định. « *Đánh giấc* » là động từ, chủ động, niềm vui của tư duy khi ý thức nghỉ ngơi. Giấc ngủ là giai đoạn ý thức nhất thời chuyển mình vào cõi vô thức mà không tự hủy. Trong tùy bút *Ngã pháp mây nổi*, 1969, Phạm Thiên Thư đã ca ngợi : « *Giấc ngủ say, giấc ngủ mệt thiếp, giấc ngủ chết lịm, giấc ngủ của đạo gia. Giấc ngủ của kẻ đau như thất bại và hoan hỷ trong sự thành công mỹ mãn nhất (...); một giấc ngủ không tham vọng, không chấp chặt vì tất cả đều thất bại (...). Một giấc ngủ không tịch, gối đầu, duỗi chân trên hai đỉnh tuyết vô cùng* » ³.

Dĩ nhiên, giá trị của giấc ngủ chỉ hiển hiện sau khi chúng ta đã tỉnh dậy và nhận thức, như trong thơ vua Trần Nhân Tông, vị tổ sư của phái Thiền Việt Nam :

*Thụy khởi khái song phi
Bất tri xuân dĩ quy
Nhất song bạch hồ điệp
Phách phách sấn hoa phi*

Dịch :

*Thức giấc mở song mây
Xuân về, lòng chưa hay
Song song đôi bướm trắng
Phất phới cạnh hoa bay*

Đồng thời chúng ta cũng không quên giấc ngủ vô tội, hồn nhiên của trẻ thơ, có lẽ là khoảng tịch lặng đẹp nhất trần đời.

Nói chung *Động hoa vàng* là bài ca siêu thoát, giữa xã hội và thời sự đảo điên, những lời thơ chấp chới đảo vong vào một giấc mơ dài, kết nối nhiều hình ảnh thi vị của một trần gian xa cách. Quê hương thanh bình, con người an vui, trong một nền văn hóa đã quá khứ. Hạnh phúc đơn sơ :

*Ngày xưa trên giậu vàng hoa
Chiều chiều kê chõng nằm ra ngó trời
(...)
Gây giàn thiên lý vàng hoa
Lên non cắt cỏ lợp nhà tụ mây
Xuống đầm tát cá xâu cây
Bới khoai vui lửa nằm dài nghe chim.
Khách xa nhớ đến nhau tìm
Lên đồi trẩy một giỏ sim làm quà
Hứng nước suối thết bình trà
Hái bầu nấu bát canh hoa cười khàn
(khúc 89-97-98)*

Đây chỉ là cảnh tưởng tượng mà thôi. Thực tế chưa bao giờ thi vị, nhất là lý tưởng như thế. Người xưa có thể *kê chõng, gây giàn thiên lý, cắt cỏ, tát cá, bới khoai vui lửa... nhưng khó bề nằm dài nghe chim...*

Hình tượng có vẻ là thực tế đơn giản, tuy thật sự hão huyền, nhưng giấc mơ thì có thật trong lòng người. Nó không xâu chuỗi thành hệ thống vắn vè như vậy, nhưng rời rạc vẫn ẩn hiện

trong tâm thức mỗi người Việt, ít ra trong một thể hệ nào đó : *Chiều chiều kê chông... nằm dài nghe chim.*

Hình ảnh có lúc tách ra khỏi phong cảnh bình dị, cụ thể của nông thôn. Mộng mơ thì vốn không biên giới, có khi vươn đến cõi bờ siêu thực :

*Mùa xuân mặc lá trên ngàn
Mùa thu mặc chú bướm vàng tương tư
Động Nam hoa có thiền sư
Đôi kính lấy rượu tâm hư uống tràn*

Rượu tâm hư là rượu gì, không ai biết. Nhưng rượu gì cũng là rượu. Câu thơ thú vị chỗ đó : vừa chính thống, vừa dí dỏm. Nét hóm hình tạo không khí thoáng nhẹ, niềm vui thầm lặng, cho toàn tập thơ, một không khí “thiền”.

Người đọc, nhất là người nghe nhạc, chú ý đến những câu thơ tình. Ái tình ở đây chỉ làm đề tài cho thơ hồi tưởng. Những cô áo hồng, áo xanh phơ phất, cho dù có mang một ít sắc màu ký ức, cũng chỉ là đề tài thi ca, kết hợp nhuần nhuyễn với toàn bộ tập thơ. Tình yêu ở đây là mơ mộng, trắc trở, xa cách, nhớ nhung.

Có lúc chàng kể :

*Ngày xưa em chữa theo chồng
Mùa xuân em mặc áo hồng đào rơi
Mùa thu áo biếc da trời
Sang đông em lại đổi dòi áo hoa*

Hồi khác chàng lại kể :

*Từ hôm em bỏ theo chồng
Áo trắng em cất áo hồng em mang*

Thì không ai biết cô nàng mặc áo màu gì. Thậm chí nàng có thực hay không, hoặc nàng chỉ là ảo ảnh của thiên nhiên, thường xuyên thay áo.

Khi tình yêu chỉ là điển cố văn chương, như mượn ý ca dao, Phạm Thiên Thư vẫn có thể làm được câu thơ hay:

*Thôi thì em chẳng yêu tôi,
Leo lên cành bưởi nhớ người rưng rưng*

Có lúc chữ nghĩa gây nên tình cảm thâm thiết :

*Thì thôi tóc ấy phù vân
Thì thôi lệ ấy còn ngân dáng sương
Thì thôi mù phố xe đường
Thôi thì thôi nhé đoạn trường thế thôi*

Ý thơ dàn trải, không có gì cao siêu. Nhưng lời thơ da diết chỉ vì những *thì thôi, thế thôi*, luyến láy, dãn vật.

Phạm Thiên Thư sử dụng nhuần nhuyễn thể lục bát trong hình thái cổ điển nhất. Và những tứ thơ siêu thoát cũng không mới lạ, vì ta đã từng gặp từ thời Nguyễn Trãi ; nhưng đến 1970 thì không mấy ai còn nhớ. Do đó *Động hoa vàng* khi xuất hiện vẫn làm mới thi ca. Vào thịnh thời của Thơ Mới, 1940, hay thơ Tự do tại Sài gòn 1960, không ai làm những câu :

*Cơn chim chết dưới cội hoa
Tiếng kêu rưng giữa giang hà xanh xao
(...)*

*Đội nhau tàn cuộc hoa này
Đành như cánh bướm đời Tây hững hờ*

Hình ảnh lạ lẫm, nhưng lời thơ dân dã, thuận chiều theo lô-gíc :

*Đất Nam có lão trồng hoa
Mùa hoàng cúc nở ướp trà uống đông
Lại đem bầu ngọc ra trồng
Bầu khô cát nậm rượu hồng uống xuân*

Ý tứ tân kỳ, nhưng câu chữ không cầu kỳ. Lời thơ ý nhị, dí dỏm, diễn tả được nhu cầu siêu thoát. Nó hiện đại hóa một tứ thơ có từ Nguyễn Trãi :

*Bể cái trúc hồng phân suối
Quét con am để chứa mây.*

Thời đại cho phép một ngôn ngữ mới, ngông nghênh, phóng túng hơn. Nhưng đại thể vẫn vậy. Đánh giá một tác phẩm, cần đặt nó vào thời điểm xuất phát. Khoảng 1970, chiến tranh lan tràn khốc liệt, xã hội đảo điên. Thịnh hành là lối thơ thân phận, nói lên tâm trạng, hoàn cảnh tang tóc, bi thương.

Không ai làm thơ chơi chơi, khơi khơi, như Phạm Thiên Thư :

*Có con cá mại cò xanh
Bơi lên nguồn cội tắm nhàn suối xuân
Nửa giòng cá gặp phù vân
Hỏi sao mây bỏ non thần xuống chơi.*

Dĩ nhiên người ta có thể thích hay không thích, chấp nhận hay không chấp nhận một lối sáng tác “vô lập trường” như thế.

Ngày nay ta thường dùng từ *phản ánh* theo nghĩa thông thường : quy chiếu lại hình ảnh của thực tại, theo phép hiện thực hay cách điệu. Nhưng ta có thể dùng ngược lại : *phản ánh* là quy chiếu những cảm nghĩ trái chiều với thực tế, như bề mặt, bề trái, của một đồng tiền. Như giấc mơ thanh bình đối lập với thực tại bom đạn.

*Một đêm nằm ngủ trong mây
Nhớ đâu tiên kiếp có cây hương trời
Cây bưởi trắng ngát hương đời
Nụ là tay Phật chỉ người qua sông.*

Trong một đoạn hồi ký, Phạm Duy có nhắc lại giai đoạn này, với kỷ niệm chính xác về Phạm Thiên Thư. Thời đó, 1970, để phản ứng lại với cái “*dung tục, trâng tráo*” của xã hội, đã xuất hiện khuynh hướng “*về nguồn, với con người Việt Nam, cây nhà lá vườn.*”

“*Đối với tôi lúc đó, hình ảnh thiền, chùa, động hoa vàng, thật là mát mẻ và rất cần thiết (...) Gặp tu sĩ Tuệ Không kiêm thi sĩ Phạm Thiên Thư là tôi như thoát xác, vượt ra khỏi những đắng cay, chán chường và bế tắc (...). Từ đó tôi luôn luôn tìm đọc thơ của Phạm Thiên Thư để phổ thành những bài hát thanh cao nhất của thời đại*”⁴.

Nhạc phẩm Phạm Duy đúng là những thành tựu lớn lao, được đón nhận nồng nhiệt ngay. Ngày nay, bốn mươi năm sau, vẫn còn nhiều thính giả nghe lại và yêu chuộng.

Bài này chỉ đóng khung vào trường ca *Động hoa vàng* : nguồn gốc thi hứng, giá trị tư tưởng, nghệ thuật, và xã hội của nó.

Tác giả Phạm Thiên Thư còn sáng tác nhiều thi phẩm khác, nhưng không thành công bằng tập *Động hoa vàng*. Có lẽ tác giả đã vơi nguồn thi hứng đích thực, bớt khả năng cô đúc tình

cảm, tập trung tư duy sáng tạo, cho nên những thi phẩm về sau – rất dồi dào – phải nép vào ngôn ngữ tài hoa. Mà tài hoa thì không đảm bảo được một hành trình sáng tạo lâu dài. Nhưng chỉ một thi tập *Động hoa vàng* cũng đánh dấu một thời đại trong thi ca, đồng thời thăng hoa khả năng thẩm mỹ và diễn đạt diệu vợi của thể thơ lục bát cổ truyền. Đánh giá toàn bộ tác phẩm Phạm Thiên Thư là việc khó khăn, chưa kể có kẻ lạm quyền đã đánh giá cuộc đời chìm nổi của nhà thơ, qua lấm bết dầu.

Nói ít, nhưng đầy đủ về Phạm Thiên Thư, có mấy câu thơ Bùi Giáng tặng ông :

*Chạy quanh khu vực thần tiên
Mỗi chân mười ngón kết liên bốn mùa
Vườn cây trái ngọt trái chua
Mù sương hấp dẫn về chùa ngủ quên.*

Orléans, 12.10.2011

1 Nguyễn Dữ, *Truyện kỳ mạn lục*, tr 106-119, nxb Văn Học, 1971, Hà Nội

2 Nguyễn Dữ, sđd, tr.142, truyện *Người tiều phu núi Na*.

3 Phạm Thiên Thư, *Qua Suối Mây Hồng*, 1971, tr. 72-73, tái bản, nxb Văn Nghệ, 2006.

4 Phạm Duy, *Nhớ*, hồi ký, tr.191, nxb Phương Nam, 2005.

Thơ lục bát: một duyên phận long đong Trịnh Y Thư

Những năm gần đây, tôi ít thấy thơ lục bát xuất hiện trên báo chí hoặc các trang mạng văn chương. Thi thoảng, một hai bài nhen nhúm như ngọn đèn dầu leo lắt nhưng rồi lại tắt ngúm, chìm lịm dưới lượng thơ tự do ào ạt đổ vào thị trường thơ, nhất là thị trường thơ trên mạng. Điều này không lạ. Từ lâu thể thơ lục bát đã không còn sức quyến rũ đối với các nhà thơ Việt Nam nữa, nhất là các nhà thơ trẻ. Ngày nay họ chuộng thể tự do hơn, cho thích hợp với phong cách và tinh thần “Hậu Hiện đại”. Có nhà thơ còn thẳng thừng tuyên bố ông thà làm thơ tự do dở chứ không thềm làm thơ lục bát hay!

Tại sao có tình trạng này? Tại sao một thể thơ truyền thống của dân tộc, gắn bó với tâm hồn Việt Nam cả nghìn năm, ngày nay lại lâm vào tình cảnh bi đát, bị quay lưng lại, bị ruồng rẫy một cách đáng thương như thế? Phải chăng nó là vấn đề của hình thức biểu đạt cho những thao tác sáng tạo mới? Phải chăng niêm luật thơ lục bát gò bó quá, âm nhạc trong thơ lại đơn điệu, dễ nhàm, ý tình chẳng thể nào biểu đạt cho trọn vẹn? Phải chăng tính cách trữ tình, ý nhị của lục bát cũng kèm hãm, không cho bốc cháy những tứ thơ mãnh liệt, khốc liệt khiến nó không còn phù hợp, thích hợp với tiếng nói và nhịp đập của thời đại? Phải chăng nó cổ lỗ một cách thảm hại, như bà cụ đầu vấn khăn vuông, mình mặc áo dài nhưng đen, lưng khòm, xệch xạc từng bước nặng nhọc lên chùa lễ Phật? (Trong khi thơ tự do là cô gái mười tám, mặc váy ngắn, hở rốn, hở mông, nhún nhảy chui vào chiếc BMW bóng loáng đi dự dạ hội với người yêu).

Nói như thế tôi e có người phản đối, bảo tại sao thể thơ *haiku* của Nhật Bản, khắt khe, gò bó còn hơn lục bát của Việt Nam ta bội phần mà vẫn tồn tại và phát triển một cách mạnh mẽ. Nó không những tồn tại và phát triển trên quê hương nó là nước Nhật mà còn được cả thế giới hâm mộ, nồng nhiệt giang tay đón nhận. Tagore của Ấn Độ, Octavio Paz của Mexico, hai nhà thơ lớn của nhân loại ở thế kỉ vừa qua, đều có cảm tình đặc biệt với *haiku*. Tagore làm thơ *haiku* bằng ngôn ngữ Bengal, Octavio Paz dịch thơ *haiku* sang tiếng Tây Ban Nha. Thể *haiku* cũng không ngăn trở những ý thức mới trong cuộc sống đô thị hiện đại, như vấn đề

tình dục và những chủ đề bạo động, bạo liệt khác. Ngày nay thơ *haiku* phổ biến rộng rãi trong giới yêu thơ trên thế giới đến nỗi ông Herman Van Pompuy, Chủ tịch Hội đồng Châu Âu hôm tháng tư năm 2010 mới đây còn cho xuất bản một tập *haiku* do chính ông là tác giả. *Haiku* của thế giới ngày nay, lẽ đương nhiên, không triệt để theo sát tinh thần *haiku* của Basho, Buson hay Issa cách đây ba, bốn trăm năm. Nó biến thiên để tồn tại, và quan trọng hơn, nó vẫn còn sức quyến rũ, được các nhà thơ tìm đến gửi gắm tâm hồn mình.

Nhờ đâu nó còn sức quyến rũ mãnh liệt ấy? Nhờ đâu, một thể thơ cũ gồm vồn vẹn 17 âm tiết trong một bài thơ, cô đúc, “ý tại ngôn ngoại” đến cực độ, lại chinh phục được cả thế giới? Có lẽ chính cái kì bí của *haiku*—phóng ra nét khắc hoạ của sự vật, như một tia chớp loé, cực kì đơn sơ nhưng vô cùng đậm đặc, rồi để người đọc tự mình mặc tình thả trí tưởng tượng vào những chiều kích, những cung bậc, những cảm xúc bất ngát diệu kì—đã khiến thể thơ này có sức quyến rũ lạ lùng, không hề nhạt phai theo năm tháng. Nó là truyền thống nhưng cùng lúc chối bỏ truyền thống, thậm chí phi truyền thống.

Có thể có những lí do khác sâu sắc hơn, nhưng đây là chuyện của văn hoá Nhật và thế giới, quan tâm cũng chẳng để làm gì. Tôi chỉ thấy buồn bã khi nhìn về thể thơ lục bát của Việt Nam, ngay thời đại tôi, bị chính các thi sĩ của mình ruồng rẫy, quay lưng lại, nói gì đến chuyện đi ra thế giới bên ngoài!

Người ta chán thơ lục bát bởi nó dễ làm nhưng khó hay. Có chuyện ấy thật không? Mở hủ hoạ một tập thơ cũ, tôi tìm thấy bài lục bát của nhà thơ nữ Hoàng Hương Trang, bài *Uống rượu trong mưa*. Bốn câu đầu trong bài thơ như sau:

*Tay nâng hứng giọt trời cao
Chén đầy thương nhớ, xin trao tới người
Uống say chén lệ đầy vơi
Rượu hay mưa ướt tình người tình ta...*

Bài thơ không dở lắm—nhà văn Võ Phiến chọn in nó trong cuốn *Thơ Miền Nam* trong bộ sách đồ sộ của ông viết về hai mươi năm văn học miền Nam—nhưng nó nhạt nhẽo làm sao. Khuôn sáo nữa. Khuôn sáo ở chính những chỗ gieo vần, như cụm từ “đầy vơi” chẳng hạn. Những chỗ gieo vần kiểu ấy, người ta có thể xem như là một hình thức làm cho đầy, lấp đầy những khoảng trống để “bắc cầu” cho những từ quan trọng hơn trong bài thơ. Và trong thơ lục bát, ngay cả dưới ngòi bút của các nhà thơ trác tuyệt, những từ hoặc cụm từ “bắc cầu” như thế đầy rẫy, khó tránh vô cùng.

Có thể gọi đây là tình trạng lưỡng phân. Nó tương tự như phương cách kết cấu âm nhạc cổ điển Tây phương thời Hậu Baroque khi các nhà soạn nhạc bắt đầu cắt khúc nhạc thành nhiều nhạc đề khác nhau và nối kết chúng lại bằng những đoạn nhạc “bắc cầu”. Những đoạn “bắc cầu” thường là vô cảm, máy móc. Nó có tính thủ công nhiều hơn là nghệ thuật sáng tạo. Thể nhạc điển hình cho hình thức kết cấu này là thể Sonata, rất thông dụng trong suốt thời gian dài khởi đi từ thời Rococo giữa thế kỉ XVIII và mãi đến thời Hậu Lãng mạn đầu thế kỉ XX mới suy tàn dần nhờ những nỗ lực cách tân của nhà soạn nhạc Pháp lừng danh Claude Debussy. Tình trạng lưỡng phân xuất hiện ở lằn ranh biên giới giữa cái tự phát và cái khổ công gọt dũa. Cảm xúc biểu đạt do sự gọt dũa khéo léo, cho dù khéo léo đến đâu chẳng nữa, vẫn chỉ là cảm xúc giả tạo, khó có thể xem là nghệ thuật chân thật.

Thể lục bát, với những giới hạn hiển nhiên, chắc chắn là không thích hợp với những loại thơ như thơ Siêu thực, vốn đề xuất “lối viết tự động” và chủ trương thơ là thao tác của giấc mơ, của tiềm thức, siêu thức, thậm chí, vô thức. Chỉ ít trên mặt nguyên lí, “lối viết tự động” không cho phép một sự sắp xếp nào trong kết cấu sáng tạo. Và thi sĩ làm thơ Siêu thực sẽ chẳng ai dại dột đi chọn nạng lục bát làm hình thức chuyên chở sáng tác của mình.

Cũng có thể tất cả các tiềm năng của thể thơ lục bát đã được khai thác đến tột hạn. Tục ngữ, ca dao Việt Nam, nét đẹp truyền thống, tình cảm chan chứa, sâu đậm của dân Việt từ nghìn năm cũ, tập trung cả vào lục bát. Bên lĩnh vực văn chương bác học, sau Nguyễn Gia Thiều, Nguyễn Du, Đoàn Thị Điểm và các nhà thơ kiệt xuất khác của thế kỉ XVIII và đầu thế kỉ XIX (song thất lục bát là biến thể của lục bát), hình như không mấy ai tìm cách đẩy lục bát lên một chiều kích mới, nơi sự sáng tạo có cơ hội nở hoa. Tinh hoa của nó, cụ Nguyễn Du nắm cả. Có lẽ bởi thế có sự ngại ngùng nơi các nhà thơ thuộc những thế hệ sau Nguyễn Du đối với thể lục bát. Họ ngại ngùng là phải. Một tứ thơ chột đậu lại trong tâm tưởng, định đặt bút gieo vần viết vài câu lục bát nào đó, nhưng bỗng khựng lại chột nhớ mình chẳng thể nào qua mặt nổi cụ Tiên Điền kia một mình lừng lững đứng mãi trên tượng đài cao nhất của lịch sử thi ca Việt Nam.

Bước sang thế kỉ XX, tình trạng hình như có thay đổi. Từ Huy Cận đến Bùi Giáng, người đọc đã bắt đầu thấy le lói những cố gắng “cách tân” lục bát và nhờ vào thi tài xuất chúng, họ chiếm được cảm tình của đa số người yêu thơ của thời đại họ. Tuy nhiên, theo tôi, chính thi sĩ Phạm Thiên Thư mới là người đưa thơ lục bát lên một cầu vực mới và cho nó cơ hội thêm một lần bung nở rực rỡ trong khu vườn văn nghệ Việt Nam.

Tôi yêu thơ Phạm Thiên Thư từ khi còn là cậu trai Trung học tại quê nhà. (Lúc đó tôi bắt đầu biết làm thơ tán gái và thơ tôi đặc sệt chất thơ của thi sĩ họ Phạm. Bạn bè bảo, “Thơ cậu nghe y chang thơ Phạm Thiên Thư.” Thế là ngay lập tức cái bút danh Trịnh Y Thư được bạn bè để ra cho tôi). Thế hệ tôi, lớn lên trong lửa đạn chiến tranh, ít nhiều sớm mang tâm trạng bi phần với thời đại, hay có xu hướng tìm quên trong thơ văn thoát tục mà điển hình là thơ của thi sĩ họ Phạm. Tuy thế, thơ của ông, nhất là lục bát, phải có cái gì khác mới đủ sức quyến rũ cả một thế hệ và ảnh hưởng của nó còn lan toả sang các thế hệ sau.

Nhà văn Võ Phiến, cũng trong bộ sách *Hai mươi năm văn học miền Nam*, phân tích thơ Phạm Thiên Thư xong, bảo thơ ông chuyên chở ba đề tài chính, lúc nào cũng quện lẫn vào nhau, đó là: tôn giáo, tình yêu và thiên nhiên. Ông gọi thi sĩ họ Phạm bằng cái tên rất ư “Võ Phiến”: tu sĩ đa tình.

Thơ Phạm Thiên Thư không thiếu những thi ảnh về tôn giáo, tình yêu và thiên nhiên, những thi ảnh thật đẹp, nhưng ý nghĩa của thơ thì thật khó cho chúng ta có một định hình rành rọt, tận tường nào. Ông là nhà thơ quan tâm nhiều đến chữ. Ý nghĩa của thơ đậu lại trong tâm tưởng người đọc hay không, không là điều quan thiết hàng đầu. Đây cũng là quan điểm về thơ của thi sĩ Octavio Paz khi ông viết trong cuốn *Điện xoay chiều*: “*Chủ yếu của thao tác thi ca là ngôn ngữ: bất luận sự tin tưởng cũng như niềm xác tín của nhà thơ là gì, điều hấn ta quan tâm đến là ngôn từ chứ không phải những điều ngôn từ này ám chỉ.*” Nói như vậy, thi sĩ vĩ đại nhất của nền thi ca Mexico thời hiện đại không có chủ ý bảo vũ trụ thơ là hoàn toàn vô nghĩa hoặc ý nghĩa của nó chỉ là cái gì phụ thuộc. Mặc dù không thể tách rời ý nghĩa của thơ ra khỏi ngôn từ, nhưng chúng ta phải hiểu là tuy mỗi con chữ trong bài thơ đều có ý nghĩa của nó, giữa những con chữ cũng có một ý nghĩa hữu cơ nào đó, nhưng đừng đòi hỏi, gán ghép hoặc phán quyết một ý nghĩa tổng hợp nào ở ngoài bài thơ, cho dù đấy là một ý nghĩa bí nhiệm, phù huyền. Năm lớp 9 lớp 10, học văn, tôi hay nghe các thầy cô bảo *Truyện Kiều* của Nguyễn Du là thi phẩm chứa đựng tâm trạng “hoài Lê” của cụ, bởi tuy ra làm quan cho triều Nguyễn nhưng cụ vẫn đau đáu thương nhớ nhà Lê. Hiểu như thế là chính trị hóa thơ ca và chỉ khiến thiệt thòi cho những vần thơ trác tuyệt của cụ Nguyễn mà thôi.

Đẹp sang bên mọi ý nghĩa ngoại tại của thơ, chúng ta sẽ thấy cái hay của thơ Phạm Thiên Thư. Nó nằm ngoài mọi ý nghĩa, và lục bát của ông không lâm vào tình trạng lưỡng phân như rất nhiều nhà thơ khác. Không quan tâm đến ý nghĩa nữa, ngôn từ trong thơ ông mặc tình bay bổng và người đọc tha hồ chiêm mộ nó ở nhiều chiều kích khác nhau, mỗi chiều kích là một

cung bậc cảm xúc, một cách cảm thụ riêng tư từ phía người đọc. Cánh cửa đi vào cõi thơ ở đây là cánh cửa thần cảm hay linh cảm chứ không còn là cánh cửa của lí trí nữa. Nói đến lục bát Phạm Thiên Thư mà không nhắc đến tính nhạc trong thơ ông là một thiếu sót nghiêm trọng. Cú điệu của thơ lục bát nói chung là cú điệu êm nhẹ, du dương nhưng dễ nhàm chán. Biết rõ điều ấy hơn ai hết, thi sĩ họ Phạm đã dụng công biến tính nhạc trong thơ mình thành những âm điệu véo von. Véo von như ca dao nhưng thánh thót hơn và nếu phải so sánh với lục bát Nguyễn Bính thì “sang cả” hơn, như nhạc Mozart bên cạnh nhạc Salieri. Sau Phạm Thiên Thư tôi cũng yêu thích lục bát của nhà thơ Nguyễn Đức Bạt Ngân, và nhất là Hoàng Xuân Sơn. Sự thành công của lục bát Hoàng Xuân Sơn cũng nằm ở sự nhuần nhuyễn của ngôn từ chứ không phải ở ý nghĩa ngoài bài thơ.

Xem ra lục bát là một thách đố lớn cho các thi tài mà không phải thời đại nào cũng có. Nó cổ xưa, cũ kĩ, nhưng bỏ xó nó, xem thường nó, ruồng rẫy nó, chưa chắc đã là cái gì hay ho. *Sonnet* của châu Âu là một thể thơ cổ, phát triển từ thời của Dante, Petrarca, Shakespeare, nhưng bước sang thời hiện đại các thi sĩ như John Crowe Ransom, George Barker (hoặc Ezra Pound với thể Sestina) vẫn sử dụng nó cho sáng tác của mình và để lại nhiều thi phẩm kiệt tác. Trong lúc chờ đợi một thể hệ thi sĩ Việt có duyên mới với lục bát, tôi đoán thể thơ này chắc đành tạm thời ép mình chịu đựng một duyên phận long đong, không mấy vui vẻ với các nhà thơ đương đại của chúng ta.

Phụ đính I:



Ngày xưa Hoàng thị
Tranh bìa của Đinh Cường

“Hoàng thị...” của Phạm Thiên Thư Nguyễn Việt

Nhà thơ Phạm Thiên Thư quê ở Kiến Xương - Thái Bình nhưng sinh ở Lạc Viên - Hải Phòng. Vào năm 1954, khi mới 14 tuổi, ông theo gia đình di cư vào Nam, ngụ tại căn nhà gần khu Tân Định - Sài Gòn.

Theo lời nhà thơ Phạm Thiên Thư tâm sự :

- “Tôi vẫn nhớ căn nhà những ngày ấy, đó là một căn nhà nhỏ nằm đằng sau chợ Tân Định. Cha tôi xin cho tôi học tại trường trung học Văn Hiến cách nhà không xa. Tôi đã học hết tú tài ở đó. Cũng trong những năm học tú tài này, tôi để ý một cô bạn học cùng lớp tên là

Hoàng Thị Ngọc, cô gái đó quê gốc Hải Dương, ở gần nhà. Nhưng chỉ là để ý thôi chứ không dám ngỏ lời.

"Hàng ngày, khi xếp hàng vào lớp, cô gái đứng ở đầu hàng bên nữ, nổi bật với mái tóc dài xoã trên bờ vai mảnh dẻ. Tôi chỉ im lặng ngắm nhìn. Rồi khi tan trường, cô gái một mình trên đường về nhà, tôi lại là kẻ lẽo đẽo theo sau.

"Cô ấy ôm cặp đi trước còn tôi theo sau nhưng không dám lên tiếng. Trong bóng chiều tà, ánh nắng hắt qua hàng cây, cô ấy lặng lẽ bước, gây cho tôi những cảm xúc băng khuáng khó tả. Cứ thế, tôi chỉ biết lặng lẽ đi theo sau cô ấy hàng ngày, giấu kín những cảm xúc của mình không cho bất cứ ai biết...".

Sau khi học xong tú tài, nhà thơ Phạm Thiên Thư chọn cửa Phật làm chốn dừng chân. Ông theo học tại trường Đại học Vạn Hạnh, một trường vừa đạo vừa đời, chỉ mong gửi hồn trong lời Kinh tiếng kệ. Nhưng về sau ông thôi không chọn đường tu và sau này gia đình ông dời về khu Ông Tạ. Còn bây giờ ông mở quán cà phê Hoa Vàng sinh sống với quá khứ nhiều kỷ niệm. Ngày gia đình dọn đi nơi khác không còn ở sau chợ Tân Định, mỗi khi đi ngang con đường xưa, nhìn về mái trường xưa, hình ảnh người con gái với mái tóc xoã ngang vai lại hiện về trong ông. Và trong một lần đắm chìm trong cảm xúc ấy, nhà thơ Phạm Thiên Thư đã cầm bút viết lên bài thơ "Ngày xưa Hoàng thị".

- "Đây không phải là bài thơ đầu tay của tôi. Cha tôi tuy làm nghề thuốc nhưng ông có làm thơ, tôi còn nhớ ông đã từng đoạt giải Nhì về thơ do một tờ báo ở Hà Nội trao tặng. Nên khi còn tuổi học trò, tôi làm vài bài thơ và được cha tôi khen hay. Nhưng tôi làm thơ chủ yếu để trải lòng mình chứ không làm thơ chuyên nghiệp. Mãi đến năm 1968, tôi mới tự xuất bản tập thơ đầu tiên. In ít thôi, chủ yếu để mình đọc và tặng một số bạn bè thân quen. Tôi chẳng muốn nhiều người biết về mình.

"Còn về bài thơ "Ngày xưa Hoàng thị", là khi nhờ nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc 10 bài "Đạo Ca" do tôi viết lời, Phạm Duy tình cờ đọc được. Tôi cũng không nghĩ Phạm Duy lại thích bài thơ này đến như thế, nhạc sĩ đề nghị được phổ nhạc bài thơ đó. Dĩ nhiên được một nhạc sĩ nổi tiếng như Phạm Duy để ý đến bài thơ của mình thì có gì hạnh phúc bằng. Và tôi cũng bất ngờ nghe lại bài thơ của mình khi đã phổ nhạc. Nhạc sĩ Phạm Duy đã tôn bài thơ lên rất nhiều qua những giai điệu nhạc bay bổng".



"Vào những năm 70, nhạc phẩm "Ngày xưa Hoàng thị" đã trở thành một hiện tượng tại miền Nam. Nữ ca sĩ Thanh Thúy là người đầu tiên thể hiện bài hát này và sau đó nhiều ca sĩ khác cũng chọn bài "Ngày xưa Hoàng thị" để hát, tạo thành trào lưu. Thậm chí báo chí Sài Gòn thời bấy giờ cũng vào cuộc, nêu câu hỏi "Nhân vật chính trong "Ngày xưa Hoàng thị" là ai?". Một số người tự nhận mình là nhân vật của bài thơ, số khác thì phân tích bài thơ rồi cho rằng nhân vật chính trong bài thơ là cô A, cô B nào đó... Ngày đó báo chí cũng gặp tôi hỏi chuyện, tôi nói rằng đó là cô Hoàng Thị Ngọc nhưng không biết tại sao nhiều người vẫn không tin".

NGÀY XƯA HOÀNG THỊ...

Musical score for the song "Ngày xưa Hoàng Thị...". The score is written in G major and 4/4 time. It consists of 12 staves of music with Vietnamese lyrics underneath. The lyrics are:

Em tìm trường về đường
mười sáu tuổi... Em tìm trường về đường mười sáu tuổi... Ôm gối ngủ yên về, tôi đi tìm
áo trên tay... Em đi dạ dưng, hít vai em nhỏ... Chấn soạn về đường năm
tư đầu nhỏ... Anh theo Ngọ về, gói giấy hàng tờ đường quê... Em tìm trường
về anh theo Ngọ về... Chấn soạn năm nhỏ, hàng sách vở nhỏ... Mãi vẫn hay học anh
của ngày ngày... ngày ngày... Em tìm trường về, mười sáu tuổi nhỏ... Anh trao với
mình chiếc áo nhỏ nhỏ... ép vào cuối... về... Muốn thuê áo trắng em trắng... Em
tìm trường về, anh theo Ngọ về... Em tìm trường về, anh theo Ngọ về... Mãi em nhỏ
với... Mang mang về... Thôi thôi... Bao nhiêu là ngày bao nhiêu đường đi... Trưa
trưa chiều chiều... Thôi đừng đừng chiều... Xưa qua rồi đó xưa nay... Phóng mi sang hồ...
hôm... ngày... qua đi... qua đi... qua đi... như... phải như

Arranged by Đặng Hồng Kỳ, M.A. Music Composition
Property of the C.I.M. BAHÉD

“Ngày xưa Hoàng thị..”

Nhạc Phạm Duy - lời Phạm Thiên Thu

Ngoài bài “Ngày xưa Hoàng thị”, nhạc sĩ Phạm Duy còn phổ nhạc thêm một số bài thơ tình khác của nhà thơ Phạm Thiên Thu như Đưa em tìm động hoa vàng, Gọi em là đóa tình sâu, Em lễ chùa này... Còn bây giờ căn nhà của nhà thơ đang ở nằm trong khu cư xá Bắc Hải thuộc Quận 10 gần ngã ba Ông Tạ, đây cũng là một quán cà phê nhỏ mang tên “Hoa vàng”, có lẽ nhà thơ lấy từ bài “Đưa em tìm động hoa vàng” để đặt tên. Quán nhỏ nhưng bài trí khá đẹp nên khá đông khách.

Dư luận trong giới thi văn hải ngoại trước đây thường xôn xao về việc “đã phát hiện ra bà Hoàng Thị Ngọc”, nhân vật trữ tình trong bài thơ nổi tiếng “Ngày xưa Hoàng Thị” của nhà thơ Phạm Thiên Thu, bài thơ này càng nổi tiếng hơn sau khi được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc trước 1975 ở Sài Gòn.



Hoàng Thị Ngọc theo mô tả của nhân vật H.H.

Một người con gái không “ảo”, một người con gái có thật trong cuộc sống đời thường, rồi bỗng trở nên “nổi tiếng” sau khi nhạc phẩm “Ngày xưa Hoàng thị” của Phạm Duy được phổ từ thơ Phạm Thiên Thư, và từ giọng ca truyền cảm của nữ ca sĩ Thanh Thúy trình bày trên các làn sóng phát thanh, truyền hình, băng nhạc, sân khấu đại nhạc hội, phòng trà trước những năm 1975, đã gây nhiều ấn tượng đến với người yêu thi ca và âm nhạc. Để rồi từ đó mọi người đi tìm “Hoàng thị..” là ai ?

Riêng nhà thơ Phạm Thiên Thư thì biết rất rõ về người con gái này, bởi ông là người sáng tác ra thi phẩm “Ngày xưa Hoàng thị”, và sau này có một người đàn ông khác với tên H.H. trả lời trên một tờ tuần báo xuất bản tại California (Hoa Kỳ) cũng nhận mình biết rất nhiều về cô “Hoàng thị...” ngày xưa, cả hai từng có một thời tình cảm với nhau, tuy nhiên khác với nhà thơ Phạm Thiên Thư ông không chỉ yêu đơn phương, và diễn tả cảm xúc của mình qua những vần thơ mà bằng những lá thư tình/ Chúng ta hãy cùng theo dõi các thông tin dưới đây và đây là bài phỏng vấn của phóng viên Nguyễn Quang Minh với một nhân vật:

Người đàn ông này là một nhân vật kín đáo, không muốn khoe khoang về mình, cũng không muốn làm chuyện “giật gân”. Tuy nhiên như ông nói, rất muốn được gặp lại “cố nhân” tức cô HoàngThị Ngọc. Theo ông, Hoàng Thị Ngọc hiện đang có mặt tại Cali (?). Người đàn ông này nói tiếp, dù ông đã có vợ con đang sống rất hạnh phúc, ông chỉ muốn được gặp lại Ngọc, để có thể giúp gì được cho tri kỷ đã không gặp nhau từ mấy chục năm qua. Nhân vật xin được giấu tên nên được viết tắt là H.H.

Khi phóng viên NQM hỏi, ông quen với cô Hoàng Thị Ngọc, nhân vật trong thơ/nhạc của Phạm Thiên Thư, Phạm Duy trong trường hợp nào? Được ông H.H. trả lời:

“Đó vào khoảng năm 1963, 1964. Nhà của Ngọc ở đường Trần Quang Khải, gần trường Văn Hiến (gần ngã ba Hai Bà Trưng – Cầu Kiệu)... Mỗi lần cô đi học phải đi ngang nhà tôi. Nhà tôi ở số 90 trên đường Trần Quang Khải. Trường Văn Hiến cách nhà tôi chỉ độ 100 thước. Tôi thấy cô thiệt là hiền hậu, dễ thương nên mới viết thư làm quen. Năm đó tôi đang học Đệ thất, còn Ngọc cũng chỉ độ bằng tuổi tôi thôi. Gốc Hải Dương, gia đình Công Giáo.

“Tôi viết thư gửi cho Ngọc, cô đáp ứng, mời tới nhà chơi. Ba của Ngọc là một nhà thầu khoán, gia đình rất khá, có anh chị em đi du học, làm bác sĩ, kỹ sư thời đó. Thành thật mà nói, Ngọc không phải là một thiếu nữ có nhan sắc lộng lẫy. Ngọc có mái tóc dài ngang lưng. Thường khi đi học, chỉ mặc hai màu áo vàng và đen. Nhưng rất là dễ thương... Ngọc có một dáng dấp mặc áo dài thật đẹp. Lúc đó là thời gian chúng tôi quen nhau. Đi chơi với nhau rất vui. Một thời gian sau, tôi vào lính. Một vài năm, tôi trở về thăm Ngọc, cô kể lại cho tôi nghe về một người con trai theo đuổi Ngọc, viết thơ cho Ngọc, nhưng cô ấy từ chối, không nhận mối tình đó. Người đó sau này cạo đầu đi tu, đó chính là nhà thơ Phạm Thiên Thư như chúng ta ai ai cũng biết. Và bài thơ “Ngày xưa Hoàng thị” làm ra lúc Phạm Thiên Thư đã đi tu. Sau này, bài thơ được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc, trở nên một bài hát có một thời vang bóng. Nói tóm lại, Hoàng Thị Ngọc không có gì với nhà thơ họ Phạm kia.

- Như vậy, Hoàng Thị Ngọc là người yêu của ông ?

- Nói là người yêu, tôi e là cũng không đúng. Nó lửng chửng thôi. Chúng tôi có đi xem phim với nhau, nhưng rồi tôi đi lính, trở lại... do đó chuyện liên hệ giữa tôi và Hoàng Thị Ngọc cũng không liên tục. Cho tới sau 75, mỗi người phải bươn chải riêng.

Tới năm 1978, tôi mới liên lạc gặp lại Ngọc tại nhà. Lúc đó, tôi đã có gia đình.

Tôi nói: “Ngọ à, bây giờ tôi có tổ chức tàu đi vượt biên, đây là cơ hội cuối cùng tôi muốn giúp Ngọ, nếu Ngọ muốn đi vượt biên với tôi, tôi sẽ cho Ngọ cùng thêm 1 người nữa cùng đi. Lúc đó Ngọ chưa có gia đình. Chỉ có tôi là có vợ con. Ngọ nói để cố suy nghĩ vài ngày. Sau đó tôi trở lại, Ngọ cho biết gia đình cô ấy có tới 4 người, nếu đi 2, bỏ lại 2 thì không được. Do đó, nếu đi thì đi hết, còn không thì thôi. Trong hoàn cảnh đó, phần tôi chỉ có thể lo cho 2 người, nên không thể làm gì hơn được. Tôi đi được... còn Ngọ ở lại. Từ đó chúng tôi mất liên lạc luôn. Mới đây tôi có về Việt Nam, tôi có ghé lại khu nhà Ngọ ở hồi trước, đó là căn nhà số 19E, đường Lý Trần Quán (tên cũ, bây giờ đổi Thạch Thị Thanh) gần khu chợ Tân Định. Khi vào khu nhà Ngọ, bà hàng xóm vẫn nhận ra tôi. Bà cho tôi biết là gia đình Ngọ đã bán nhà, dọn đi nơi khác từ lâu lắm rồi. Nghe nói hiện nay Ngọ đang ở Mỹ, ở California ! Tôi nghe thì cũng buồn, nhưng lại vui vì biết cố đang ở Cali .

- Xin ông mô tả lại chân dung của Hoàng Thị Ngọ theo trí nhớ của ông?

- Ngọ chỉ là một thiếu nữ tầm thước, cỡ 5'2" (cao cỡ thước rưỡi), ốm, da mặt không đẹp lắm, rơm rớm một chút. Tóc dài, chải thẳng ra phía sau mà không rẽ ngôi. Mặt hơi xương xương, dài dài. Ngọ có một cái mụn ruồi cũng hơi lớn lớn dưới cánh mũi bên phải. Một nhan sắc trung bình. Chỉ có dáng mặc áo dài rất đẹp. Tôi mê vóc dáng và mái tóc đó, đúng là một cô gái Việt Nam. Đi đứng nghiêm trang, không ngó qua ngó lại. Mặt nhìn thẳng, nhìn lên chút xíu. Một mẫu người con gái có bị mưa cũng không dám chạy. Rất Việt Nam. Bây giờ có gặp lại chỉ còn là kỷ niệm. Nhưng tôi rất muốn gặp lại Ngọ. Hồi đó chúng tôi viết cho nhau những câu đùa vui, rất dễ thương, như lúc tôi đi lính đã từng viết là : “Nếu mà anh tử trận, hồn anh sẽ về báo tin cho em biết, em có sợ không?”. Ngọ trả lời tôi rằng : “Em sẽ không sợ đâu. Dù anh là lính chết trận, là ma, nhưng với em, anh là con ma dễ thương !”

Cố (H.H. nói giọng Nam, tức nói về cô Ngọ) là một trí thức, tiếng Pháp giỏi, có khả năng viết văn bằng tiếng Pháp. Hình như cố sau này cũng học tại đại học Vạn Hạnh cùng thời với nhà thơ Phạm Thiên Thư nữa. Theo Ngọ kể, nhà thơ si tình Ngọ dữ lắm, đi theo chọc, làm thơ, rồi thất tình dữ lắm v.v... Nhưng Ngọ không đáp lại mối tình si này. Còn tôi, cũng không biết Ngọ thích tôi ở điểm gì. Tôi nghĩ nếu không phải thời chiến, chuyện tình cảm của chúng tôi không chừng sẽ tiến xa thêm. Vì thời của chúng tôi, khoảng cách giữa nam và nữ rất nghiêm túc, nên hầu như giữa chúng tôi không có vấn đề gì khác ngoài kỷ niệm. Tôi viết cho Ngọ khoảng 10 lá thư, và Ngọ cũng trả lời cho tôi khoảng bằng đó lá thư. Thư viết cho nhau cũng không phải là người yêu viết cho người yêu, mà như hai người bạn thân. Tôi nghĩ, có lẽ tình bạn này mới là bất diệt.



Hay “Hoàng thị..” Ngày xưa của Phạm Thiên Thư

Mọi người nói chính là nhà thơ *Mai Trinh Đỗ Thị*, con gái của nhà văn Hoàng Ly. Lúc biết nhà thơ Phạm Thiên Thư, bà vẫn còn đang cấp sách đến trường, chưa biết làm thơ. Sau này theo hiện tượng “văn nghệ trẻ” đang bộc phát trong giới học đường, bà bắt đầu đi theo nghiệp văn chương như cha của bà, tức nhà văn nổi tiếng chuyên viết tiểu thuyết đường rừng, có tên tuổi từ miền Bắc trước năm 1954 và sau khi gia đình vào Nam ông vẫn tiếp tục viết tiểu thuyết đăng báo hàng ngày. Mai Trinh là con gái của người vợ đầu của nhà văn Hoàng Ly (nhưng lại sinh sau con của bà hai). Bà cũng viết văn nhưng lại nổi tiếng về thơ.

Mai Trinh Đỗ Thị hay Phạm Thiên Thư bây giờ đều là nhà thơ, mà nhà thơ nào cũng mang thứ tình cảm lãng mạn trong người, không thích phô trương, nhất là trong tình cảm nam nữ, nói xa hơn cả hai đã ly dị, mỗi người tìm lấy cuộc sống riêng (nhà thơ Phạm Thiên Thư giờ đã có gia đình khác, có vợ có con riêng).

Cũng bởi do cả hai từng biết nhau qua cuộc sống, còn bây giờ tình cảm chỉ còn là kỷ niệm, nên nhà thơ Phạm Thiên Thư chỉ tâm sự : “Hàng ngày, khi xếp hàng vào lớp, cô gái đứng ở đầu hàng bên nữ, nổi bật, mái tóc dài xoã trên bờ vai mảnh dẻ. Tôi chỉ im lặng ngắm nhìn. Rồi khi tan trường, cô gái một mình trên đường về nhà, tôi lại là kẻ lẻo đẹo theo sau”.

Vì sao giới văn nghệ sĩ Sài Gòn lại cho rằng Mai Trinh Đỗ Thị chính là “Hoàng thị ngày xưa” của nhà thơ Phạm Thiên Thư ? Dù Mai Trinh một thời từng là vợ của nhà thơ. Xin thưa “cây kim trong bọc cũng có ngày lòi ra”, trong những lúc nhà thơ không đề nén được cảm xúc nhất thời đã bộc bạch ra thân phận của “nhân vật nữ” trong bài thơ “Ngày xưa Hoàng thị”, tên họ chỉ mang một ẩn dụ tức có nghĩa “bà Hoàng” hay “Hoàng hậu” trong tâm hồn nhà thơ; và nói cô gái đó tên Hoàng Thị Ngọc để mang sự lãng mạn, bí ẩn, cũng như không đánh mất kỷ niệm đẹp trong lòng mọi người.

Còn với Mai Trinh Đỗ Thị trước đây và bây giờ, dù tình chung không còn và bà thuộc giới phụ nữ trầm lặng, kín tiếng; không hề lên tiếng phủ nhận hoặc chấp nhận mình từng là “Hoàng thị” của nhà thơ Phạm Thiên Thư, nhưng bà không thể phủ nhận mình từng là vợ của nhà thơ Phạm Thiên Thư !

Phạm Thiên Thư và Ngày Xưa Hoàng Thị Khuyết danh



Nhà thơ PHẠM THIÊN THƯ

“Anh trao vội vàng, chùm hoa mới nở...” đó là hình ảnh đầy sức sống của một thời niên thiếu mà ai trong chúng ta cũng đã từng trải qua. Thế nhưng đối với những ai tò mò thì tác giả bài thơ nổi tiếng này có thật là đã trao chùm hoa cho cô Ngô để bài thơ trở thành nổi tiếng đến như thế hay không? Vì Phạm thiên Thư, như chúng ta đều biết là một nhà sư, vậy bài Ngày Xưa Hoàng Thị được ông sáng tác từ bao giờ?

“Bài Ngày Xưa Hoàng Thị tôi viết trước khi đi tu. Khi tôi vào chùa rồi thì hình ảnh trên đường đi làm tôi nhớ lại kỷ niệm xưa. Nhớ lại hình ảnh của cô Ngô, thời học trò ấy mà. Chẳng có tình yêu đâu chỉ là học trò vui vui thôi. Đó là lý do tại sao tôi viết bài đó.”...

.....

Phạm Thiên Thư vừa cho chúng ta biết một chút lý lịch của bài thơ Ngày Xưa Hoàng Thị, bài thơ này đã một thời gây sóng gió trong khuôn viên các trường Trung cũng như đại học tại Việt Nam vào đầu những năm bảy mươi. Nhạc sĩ Phạm Duy đã tinh tế khi chọn bài thơ này để phổ nhạc và sau đó hàng loạt bài khác của Phạm Thiên Thư liên tục chiếm lĩnh đài phát thanh Sài Gòn trong nhiều năm trời.

Mang Thiên vào Thơ

....

Phạm Thiên Thư có những bài thơ tình tuyệt vời mặc dù bản thân ông là một nhà tu. Điều gì đã dẫn ông tới bên bờ luyến ái khi từ tâm thức ông là đồ đệ chân chính của thiên môn?

Thật ra không phải lúc nào nhà thơ cũng theo đuổi tình yêu. Bên cạnh những lời thơ mang bóng sắc của cái ngã, Phạm Thiên Thư đã mang Thiên vào thơ của ông kể từ bài Động Hoa Vàng. Tác phẩm đã mở một hướng nhìn mới vào thế giới của tu trì và từ bên trong người theo gót thiên có cơ hội dần trải những tình cảm trước thiên nhiên, cuộc sống trong đó không loại trừ tình yêu đôi lứa. Tình yêu trai gái trong thơ ông cũng nhuốm phần nào hơi hướm của tăng sòng và từ đó thơ ông trở nên tinh tị và sâu lắng hẳn.

.....

“Sau khi vào chùa, thời gian đó cái tư tưởng của nhóm thầy Nhất Hạnh đưa ra gọi là tu sĩ mới ảnh hưởng. Tôi có ý làm sao mà tu theo hướng tinh thần mới, con người mới trong đó có cả thơ phú dưới hình thức Thiên. Đó là lý do tại sao tôi sáng tác thơ tình cảm có nhuốm chất Thiên. Thứ nhất tôi cũng là một người trong học hội Hồ Quý Ly từ năm 19 tuổi cho tới năm 23 tuổi thì tôi vào chùa. Tôi muốn làm sao sử dụng sức mạnh dân tộc vì theo gương Hồ Quý Ly, ông là một vị nghiên cứu chữ Nôm cho nên tôi đưa tinh thần dân tộc là làm sao tạo nét độc sáng cho thanh niên để vươn lên sức mạnh dân tộc qua bài thơ này, mỗi đoạn 4 câu chứa những nét của dân tộc.”

Động hoa vàng.

...

Bốn trăm câu lục bát của bài Động Hoa Vàng mà Phạm Thiên Thư vừa nhắc tới như một bức tranh xuân trong đó ẩn chứa nhiều triết lý thú vị của cảm quan cuộc sống. Sự bừng nở thì tứ yêu đương trong suốt bài thơ làm hơi thơ trở thành sương sớm quyện trong chút nắng hừng ửng ấm đầu xuân. Động Hoa Vàng có thể là nơi non cao, núi vắng nhưng cũng có thể là một xóm nhỏ nào đó giữa buổi chiều xuân im ắng hanh hao. Kể theo Thiên đạo có thể tin rằng mình vừa tìm được một lối nhỏ mong manh giữa cuộc trần dẫn đến sự thoát thai ý thức. Trong khi đó, người trần tục cũng không thể phớt lờ được từng ẩn dụ ý nhị lấp lánh phía sau mỗi câu thơ trong như suối ngàn và xanh như rừng thẳm.

*Con chim mùa nọ chưa chồng
Cũng bay rời rã trong dòng xuân thu
Từ em giặt áo đông tơ
Nay nghe lòng suối hững hờ còn ngâm*

Thuyền ai buông lái đêm rằm

Sông thu ngân thoảng chuông trắng rì rào
Cửa sương nhẹ mở âm vào
Lay nghiêng bầu nậm rượu đào trầm ca

Lên non cuốc sỏi trồng hoa
Xuôi thuyền lá trúc la đà câu sương
Vớt con cá nhỏ lòng dòng
Mãi vui lại thả xuống dòng suối tơ

Em nghiêng nón hạ cầu mưa
Sông ngậm mây trắng nước chưa buồn về
Hoa sầu cỏ cũng sầu chia
Lơ thơ xanh tụ đầm đìa vàng pha

Thôi thì thôi để mặc mây trôi
Ôm trăng đánh giấc bên đồi dạ lan
Thôi thì em chỉ là phù vân
Thôi thì thôi nhé có ngần ấy thôi...

Con khuyên nó hát trên bờ
Em thay áo tím thờ ở giang đầu
Tưởng xưa có kẻ trên lầu
Ngày xuân gieo nhẹ trái cầu gắm hoa

Tóc dài cuối nội mây xa
Vàng con bướm nhụy lẫn tà huy bay
Dùng dằng tay lại cầm tay
Trao nhau khăn lụa nhớ ngày sầu đưa
Ừ thì mình ngại mưa mau
Cũng đưa anh đến bên cầu nước xuôi
Sông này chảy một dòng thôi
Mây đầu sông thắm tóc người cuối sông

Đôi uyên ương trắng bay rồi
Tiếng nghe tha thiết bên trời chớm đông
Nửa đêm đắp mảnh chăn hồng
Lại nghe hoa lạnh ngoài đồng thiết tha

Con chim chết dưới cội hoa
Tiếng kêu rưng giữa giang hà xanh xao
Mai anh chết dưới cội đào
Khóc anh xin nhỏ lệ vào thiên thu

.....

Tiếng chim trong cõi vô cùng
Nở ra bát ngát trên rừng quế hương
Tiếng em hát giữa giáo đường
Chúa về trong những thánh chương bàng hoàng

Em lễ chùa này

....

Phạm Thiên Thư cũng được biết tới qua một bài thơ khác mang tên “Em Lễ Chùa Đây”. Bài thơ có

dáng dấp của truyện kể dân gian. Thật ra theo nhà thơ thì câu chuyện này hoàn toàn có thật, ông kể:

“Bài thơ này sáng tác theo lời một ông thầy khi ấy đã quá 50 tuổi rồi, ông ấy nhớ lại tình cảm hồi xưa khi ông còn là chú tiểu thì ông ấy gặp một cô bé đi chùa, ông tiểu cứ đánh chuông cho cô ấy nghe và cuối năm thì cô ấy chết đi. Cảm động từ câu chuyện này tôi làm bài thơ “Em lễ chùa này”.”

...

*Đầu Mùa Xuân cùng em đi lễ
Lễ chùa này - vườn nắng tung bay
Và ngàn lau - vàng màu khép nép
Bãi sông bay - một con bướm đẹp*

*Tàn Mùa Đông vào chùa bở ngỡ
Tiễn đưa em trong áo quan này
Tùng cội hoa - Trầm lặng thương nhớ
Tóc em xưa - tơ óng như mây*

*Mộ của em - mộ vừa mới lấp
Có con chim - nào hót trên cây
Lời của chim - chìm vào tiếng suối
Suối xanh lơ - buồn khóc ai hoài*

*Rời từ đây - vườn chùa thanh vắng
Đến thăm em - ngày tháng qua mau
Một nụ mai - vừa nở trong nắng
Hỡi em ơi - mây đã qua cầu*

Đoạn trường vô thanh

.....

Phạm Thiên Thư cũng được biết đến nhiều qua tác phẩm “Đoạn Trường Vô Thanh” Tác phẩm này bị nhiều người cho là chạy đua với Nguyễn Du khi dùng cùng một thể thơ lục bát và tên gọi của tác phẩm. Sự thật ra sao chúng ta hãy nghe nhà thơ trần tình.

“Trong thời gian đó bên Trung Quốc có cuốn sách tựa là “Nguyễn Du Là Gì”. Cuốn sách nói rằng Nguyễn Du chỉ dịch của Trung Quốc, về văn chương không có gì độc sáng cả chỉ lấy từ Trung Quốc mà thôi. Tôi viết “Đoạn Trường Vô Thanh” nhằm nói về những nét độc đáo của dân tộc..”

Ngày xưa Hoàng thị.

Trở lại với “Ngày Xưa Hoàng Thị”, tác phẩm đem người đọc tới với thơ Phạm Thiên Thư như chính tác giả thừa nhận. Âm hưởng vừa ngây thơ như thơ sinh lại vừa thâm trầm như người tu thiền khiến bài thơ có nét độc đáo khác biệt vừa lãng mạn vừa uyên nhu, rất riêng tư nhưng không thiếu phần lời cuốn. Hình ảnh người con trai âm thầm theo sau cô Ngọc mang nét đẹp của vụng dại, hồn nhiên khá tương phản với cái trầm tư của những từ kinh điển như “Áo Tà Nguyệt Bạch” hay “Đời Như Biển Động” hoặc “Xóa Dấu Ngày Qua”. Bài thơ có những chi tiết rất đắt khi gọi lên hình ảnh chú chim non đang dẫu mỏ dưới cội hoa vàng. Chú chim lên nhìn một cách thích thú gót chân chàng trai leo đẹo theo cô Ngọc trong một chiều tan trường với áo trắng đầy sân.

..

Bài thơ tuy nhắc lại một cách dịu dàng kỷ niệm thời xưa nhưng đã động lòng biết bao thế hệ sau đó. Những chàng trai thời a vòng hôm nay đâu thua gì thế hệ Phạm Thiên Thư bởi họ cũng đã và đang băng khuâng chờ tiếng chuông tan trường để được xao xuyên theo sau gót chân những cô Ngọc thời nay. Mặc dù cô Ngọc của thế kỷ 21 không còn e ấp như xưa nhưng nét duyên muôn thuở của thời áo

trắng để gì phai nhạt?

..

Phạm Thiên Thư tuy xuất hiện không lâu trên vòm trời văn học Việt Nam nhưng thơ của ông có những nét rất riêng và sự khác biệt chọn lọc đó đã được trả công từ người đọc lẫn người nghe thơ ông. “Ngày Xưa Hoàng Thị” tuy chỉ là một bài thơ phổ nhạc nhưng có sức thu hút lòng người một cách mạnh mẽ. Bốn mươi năm sau khi nghe lại bài thơ này người ta vẫn không khỏi ngạc nhiên tự hỏi sao lại có một bài thơ hay như thế?



Phạm Thiên Thư và “Ngày xưa Hoàng thị...” Trọng Thịnh

Với nhiều người thì "Ngày xưa Hoàng thị" (kể cả thơ lẫn nhạc) từng là một tuyệt tác. Nhưng với chính nhà thơ Phạm Thiên Thư thì “đó chỉ là những kỷ niệm dĩ vãng, mỗi tình thoáng nhẹ vu vơ của thời trai trẻ”

Quê ông ở Kiến Xương- Thái Bình nhưng ông sinh ra ở Lạc Viên- Hải Phòng. Năm 1954, khi mới 14 tuổi, ông theo cha mẹ di cư vào miền Nam, ngụ tại căn nhà gần khu Tân Định- Sài Gòn. “Tôi vẫn nhớ tới căn nhà những ngày ấy, đó là một căn nhà nhỏ nằm đằng sau chợ Tân Định. Cha tôi xin cho tôi học tại trường Trung học Văn Lang cách nhà chừng non một cây số. Tôi đã học hết tú tài ở đó”.

Ông nhớ lại: Cũng trong những năm học tú tài này, ông đã để ý một cô bạn học cùng lớp tên là Hoàng Thị Ngọc, cô gái đó quê gốc Hải Dương, ở gần nhà ông. Nhưng chỉ là để ý thôi chứ không dám ngỏ lời.

Ngày xưa Hoàng thị

Em tan trường về
Đường mưa nhỏ nhỏ
Chim non giấu mỏ
Dưới cội hoa vàng

...

Ai mang bụi đỏ
Dáng ai nhỏ nhỏ
Trong cội xa vời.
Tình ơi!... Tình ơi!...

Hàng ngày, khi xếp hàng vào lớp, cô gái đứng ở đầu hàng bên nữ, nổi bật, mái tóc dài xoã trên bờ vai mảnh dẻ. Ông chỉ im lặng ngắm nhìn. Rồi khi tan trường, cô gái một mình trên đường về nhà, ông lại là kẻ lẻo đẹo theo sau.

"Cô ấy ôm cặp đi trước, tôi đi theo nhưng không dám lên tiếng. Trong bóng chiều tà, ánh nắng hắt qua hàng cây, cô ấy lặng lẽ bước, gây cho tôi những cảm xúc bâng khuâng khó tả. Cứ thế, tôi chỉ biết lặng lẽ đi theo sau cô ấy hàng ngày, giấu kín những cảm xúc của mình không cho bất cứ ai biết”.

Sau khi học xong tú tài, khác với nhiều người, Phạm Thiên Thư chọn cửa Phật làm chốn dừng chân. Ông theo học trường Phật học Vạn Hạnh, gửi hồn trong lời Kinh tiếng kệ.

Thế nhưng mỗi khi đi ngang con đường một thửa, hình ảnh cô gái với mái tóc xoã ngang vai lại hiện về trong ông. Và trong một lần đắm chìm trong cảm xúc ấy, ông đã cầm bút viết lên bài thơ *Ngày xưa Hoàng thị*: “*Em tan trường về- Đường mưa nhỏ nhỏ - Chim non giấu mỏ - Dưới cội hoa vàng...*”.

Ông tâm sự: “Đây không phải là bài thơ đầu tay của tôi. Cha tôi tuy làm nghề thuốc nhưng ông có làm thơ, tôi còn nhớ ông đã từng đạt giải Nhì về thơ do một tờ báo ở Hà Nội trao tặng. Khi còn nhỏ tuổi tôi cũng đã làm vài bài thơ và được cha tôi khen. Nhưng tôi làm thơ chủ yếu để trải lòng mình chứ không làm thơ chuyên nghiệp.

Vì vậy mãi đến năm 1968, tôi mới tự xuất bản tập thơ đầu tiên. In ít thôi, chủ yếu để mình đọc và tặng một số bạn bè thân. Tôi chẳng muốn nhiều người biết về mình”.

“Thế khi nào mọi người mới biết tới những bài thơ của bác?”- Tôi hỏi.

Phạm Thiên Thư trả lời: “Ấy là khi chúng tôi nhờ nhạc sỹ Phạm Duy phổ nhạc 10 bài Đạo ca do tôi viết lời, Phạm Duy gặp và tình cờ đọc được tập thơ của tôi.

Tôi cũng không nghĩ nhạc sỹ lại thích bài thơ *Ngày xưa Hoàng thị* đến thế, ông đề nghị phổ nhạc bài thơ đó. Dĩ nhiên được một nhạc sỹ nổi tiếng như Phạm Duy để ý đến bài thơ của mình thì có gì hạnh phúc bằng.

Và tôi cũng bất ngờ nghe lại bài thơ của mình khi đã phổ nhạc. Nhạc sỹ đã tôn bài thơ lên rất nhiều qua những giai điệu nhạc bay bổng”.

Vào những năm 70, bài *Ngày xưa Hoàng thị* đã trở thành một hiện tượng tại miền Nam Việt Nam. Ca sỹ Thanh Thúy là người đầu tiên thể hiện bài hát này và sau đó nhiều ca sỹ khác cũng chọn bài *Ngày xưa Hoàng thị* để hát, tạo thành trào lưu.

Thậm chí báo chí Sài Gòn cũng vào cuộc, nêu câu hỏi “Nhân vật chính trong *Ngày xưa Hoàng thị* là ai?”. Một số người tự nhận mình là nhân vật của bài thơ, số khác thì phân tích bài thơ rồi cho rằng nhân vật chính trong bài thơ là cô A, cô B nào đó...

“Ngày đó báo chí cũng gặp tôi hỏi chuyện tôi nói rằng đó là cô Hoàng Thị Ngọc nhưng không biết tại sao nhiều người vẫn không tin”.

Ông bảo.

Nhạc sỹ Phạm Duy còn phổ nhạc thêm một số bài thơ tình khác của ông như *Đưa em tìm động hoa vàng*, *Gọi em là đoá tình sầu*, *Em lễ chùa này*...

Căn nhà của ông giờ là một quán cà phê nhỏ mang tên “Hoa vàng”, có lẽ ông lấy từ bài “Đưa em tìm động hoa vàng” để đặt tên.

Quán nhỏ nhưng bài trí khá đẹp nên khá đông khách. Có lẽ ít ai vào quán lại để ý tới một ông già có dáng như một lão nông hay ngồi lặng lẽ trong góc nhà lại chính là nhà thơ Phạm Thiên Thư.

Ông cười: “Thì tôi đâu dám nhận mình là nhà thơ”. Biết chúng tôi đang tìm hiểu về bài *Ngày xưa Hoàng thị*, cô con gái của ông tinh ý mở lại bản nhạc. Giọng ca của Thanh Thúy cất lên: “*Em tan trường về- Đường mưa nhỏ nhỏ...*”

Ông buông bút, nhắm mắt...

Có lẽ ông đang hồi tưởng về những ngày xa xưa, những ngày trên con đường trải nắng vàng, một chàng trai trẻ lẽo đẽo theo chân cô gái tên Ngọc có mái tóc dài xoã ngang vai... để rồi làm nên những vần thơ lung linh và xót xa đến thế.

Phụ đính II :



Bài thơ “Động hoa vàng” của Phạm Thiên Thư Hồ Tấn Nguyễn Minh



Trong nền văn học Việt Nam, văn học Phật giáo chiếm một vị trí khá lớn. Những thiền sư – thi sĩ như Vạn Hạnh, Viên Chiếu, Khuông Việt, Mãn Giác, Huyền Quang ... đã tạo nên dòng thơ Thiền linh diệu suốt hai triều Lý – Trần. Một dòng thơ mà cho đến bây giờ và chắc chắn mãi về sau chúng ta không khỏi ngỡ ngàng trước vẻ đẹp minh triết và tinh thần nhân văn của nó. Đến thế kỷ XX, một thế kỷ nhiều vinh quang nhưng cũng quá nhiều cay đắng của người Việt, văn học lại chứng kiến sự xuất hiện của một nhà thơ Phật giáo : Phạm Thiên Thư – “ người hiền sĩ ngồi bên lề cuộc sống ta bà, lặng yên thi hóa kinh Phật”. Đọc thơ ông, ta tìm thấy những điều phong phú và mới lạ về tôn giáo, tình yêu và thiên nhiên. Giữa một thời đạn lửa, ông bình thản lập cho mình một cõi thi ca riêng: trong trẻo, trữ tình và đậm chất Thiền.

Bài thơ “ Động hoa vàng” là một trong những thi phẩm nổi tiếng nhất trong cõi thơ Phạm Thiên Thư. Xuất hiện khoảng đầu thập niên 70 ở miền Nam, bài lục bát 400 câu này là một câu chuyện tình yêu trong sáng, cao khiết không nhuộm màu tục lụy. tựa một viên ngọc lung linh huyền ảo, nó dẫn người đọc tìm về một thế giới tịch lặng, đơn sơ đắm hương Thiền. Nơi ấy con người có thể tìm được con đường nuôi dưỡng chân tâm hầu mong một cuộc sống bình an, thanh thản. Hẳn không mấy khó khăn để nhận ra rằng văn hóa Thiền thấm đẫm trong từng câu, từng chữ và làm nên nét đẹp thâm trầm, ý nhị cho bài thơ.

1. “ Động hoa vàng” – Cõi thiền hay không gian thoát tục

Hương Thiền tỏa trong bài thơ “ Động hoa vàng” của Phạm Thiên Thư trước hết ở không gian nghệ thuật. Từ câu chuyện “ gã từ quan” coi thường danh lợi, chán ghét những thị phi, giành giật trong cõi đời mà tìm về nơi thôn xanh suối biếc, nương nấu chốn núi rừng, nhà thơ đưa ta đến không gian bát ngát của động hoa vàng. Động hoa vàng là đâu? Là một động Hoàng Hoa heo hút giữa biên thù trong thơ “ Chinh phụ ngâm”:

“ Xót người lần lửa ải xa
Xót người nương chốn hoàng hoa đậm dài ”

Hay là một thung lũng hoa vàng nào đó trong thực tại. chỉ biết đó là không gian mơ ước của những người quá mệt mỏi trước thời cuộc, muốn tìm về thiên nhiên để thanh lọc tâm hồn mình. Từ động hoa vàng, nhà thơ nói đến rất nhiều những hình ảnh thuộc về không gian. Đó là: *miền tuyết thơm, suối tơ huyền, suối hoa rừng, cội thu xanh, đồi dạ lan, miền cỏ hoa, bến hoa tươi,*

đường lặng im, non xanh, thêm trắng, lưng núi phượng... Tất cả những hình ảnh sang trọng, thanh thoát mà đơn sơ ấy thuộc về một không gian thoát tục. Không ồn ào náo động, không phù phiếm lòe loẹt, tất cả ở trong một trạng thái vắng lặng, thanh bình, nhẹ nhàng, trong sáng, trầm mặc. Đó là không gian của văn hóa Thiền – không gian tịch lặng, phẳng phất nét *sabi* trong thơ Hai- cư Nhật Bản:

“ Mái lều im
Một con chim gõ kiến
Gõ ngoài trụ hiên”
(Basô – Nhật Chiêu dịch)

Đặc biệt, không gian thoát tục ấy là một không gian được phủ đầy hoa, đầy trắng và tiếng chim. Có đến 38 lần Phạm Thiên Thư nhắc đến động hoa, thăm hoa, giàn hoa... 15 lần nhắc đến trắng và 32 lần sử dụng hình ảnh cánh chim, tiếng chim trong bài thơ “ Động hoa vàng”. Đó là một đời dạ lan trong miền u tĩnh:

“ Ta về rũ áo mây trôi
Gối trắng đánh giấc bên đời dạ lan”

là hương hoa trong ấm trà mùa đông:

“ Đất nam có lão trồng hoa
Mùa hoàng cúc nở ướp trà uống đông”

hay cánh hoa đại ven đường:

“ Bông hoa trắng rụng bên đường
Cánh thơm thông điệp vô thường tuyết băng”

Đó là ánh trắng in dấu giày:

“ Người về sao nở trên tay
Vớ hài dẫm nguyệt thêm dài gót hoa”

hay bóng trắng thanh bình nơi thôn dã:

“ Bóng trắng tịch mặc hiên nhà
Thành đàn nảy hạt tỳ bà quyện hương”

Cùng với trắng, hoa là tiếng chim, người đọc có cảm giác tiếng chim như ngập tràn không gian:

“ Tiếng chim trong cõi vô cùng
Nở ra bát ngát trên rừng quế hương”

Đó là tiếng chim linh thiêng theo văn hóa Thiền và đời sống tâm linh người Việt, là bày nhận trắng mùa xuân:

“ Mười con nhận trắng về tha
Như lai thượng trụ trên tà áo xuân”

là con hạc nhuộm màu huyền thoại:

“ Hạc xưa về khép cánh tà
Tiếng rơi thành hạt mưa sa tần ngần”

Trăng, hoa và tiếng chim, hương hoa thoảng thoảng, ánh trăng nhẹ nhàng, tiếng chim trong vắt làm cho không gian trở nên tịch lặng, linh thiêng, thâm đẫm thiền vị. Đó là nơi con người có thể lắng lòng lại, thả hồn vào cõi thinh không để tìm sự bình an, thanh thản. Không gian “ Động hoa vàng” trong thơ Phạm Thiên Thư có nét gì đó tựa cõi Bồng Lai nơi chàng Từ Thức gặp tiên, tựa suối hoa đào trong “ Đào hoa nguyên ký”, tựa không gian trong thơ Hai-cư:

“ Quán bên đường
Các du nữ ngủ
Trăng và đỉnh hương ”
(Basô – Nhật Chiêu dịch)

2. “ Mùa xuân” – Thời gian vĩnh cửu

Nếu không gian của bài thơ “ Động hoa vàng” là một không gian vắng lặng, huyền diệu với ánh trăng, hương hoa và tiếng chim thì thời gian trong bài thơ là thời gian mùa xuân. Có đến 13 lần phạm Thiên thư nói đến mùa xuân trong bài thơ này, cũng có nghĩa là thời gian bài thơ chủ yếu xoay quanh mùa khởi đầu cho một năm, mùa của hạnh phúc và niềm vui. Đó là mùa xuân ở động hoa vàng, nơi con người sống giữa thiên nhiên để tâm hồn thanh tịnh:

“ Mùa xuân bỏ vào suối chơi
Nghe chim hát núi gọi trời xuống hoa”

là mùa xuân ở đầu nguồn con suối, nơi chú cá nhỏ bắt ngờ gặp bóng mây trôi trong nước:

“ Có con cá mại bờ xanh
Bơi lên nguồn cội tắm nhánh suối xuân
Giữa dòng cá gặp phù vân
Hỏi sao mây bỏ non thần xuống chơi ”

Ngay cả khi hoài niệm về tình yêu thì thời gian hoài niệm vẫn là thời gian mùa xuân:

“ Con khuyển nó hót trên bờ
Em thay áo tím thờ ở giang đầu
Nhớ xưa có kẻ lên lầu
Ngày xuân gieo nhẹ trái cầu gấm hoa”

Thi ca xưa nay thường ưu ái mùa thu hơn bất cứ mùa nào trong năm. Với gió heo may, với tiết trời se lạnh, với lá vàng rơi, mùa thu dễ chạm vào những cảm xúc tinh tế nhất của thi nhân. Ấy thế mà suốt cả một bài lục bát 400 câu, Phạm thiên thư hầu như rất ít nói về mùa thu mà nói nhiều đến mùa xuân. Thiền tông quan niệm bậc trí giả khi đã đạt Đạo, hiểu được lẽ vận hành của tạo vật, thoát khỏi tham, sân, si thì tâm hồn sẽ đạt đến cảnh giới của mùa xuân an lạc, không còn buồn khổ sầu lo. Mùa xuân trong “ Động hoa vàng” cũng là một mùa xuân như thế. Nó không chỉ là mùa xuân của ngoại giới mà còn là mùa xuân của tâm tưởng khi con người đã từ bỏ tất cả những giành giật, đua chen mà tìm tới cõi tịch diệt của Thiền tông. Đó có lẽ là mùa xuân vĩnh cửu mà Mãn Giác Thiền Sư đã nói đến trong bài kệ nổi tiếng của mình:

“ Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai ”
(Cáo tật thị chúng)

3. “Gã từ quan” – Nhân vật trữ tình với sự hoà quyện giữa Đời và Đạo

Chuyện được kể trong “ Động hoa vàng” là chuyện của gã từ quan – chủ thể và cũng là nhân vật trữ tình của tác phẩm. Đó là một chuyện tình yêu nhuốm Thiền vị khiến bài thơ trở nên đậm hương Thiền. Thiền học và tình yêu, hai khái niệm tưởng chừng không thể dung hòa được bởi tình là khổ lụy còn thiền là giải thoát, tình là lưu luyến còn Thiền là cắt đứt nghiệp chướng. Ấy vậy mà nhân vật gã từ quan cứ vẩn vít nửa đời, nửa Đạo, chơi vui giữa tình yêu và Phật pháp.

Nội dung bài thơ là chuyện tình yêu, là những lời yêu Phạm Thiên Thư gửi đến người tình nhưng Thiền tính lại hiển hiện trong cái nhìn, trong ngôn ngữ, trong tâm thức nhà thơ:

“ Em nằm ngó cội thu xanh
Môi ươn đào lý một nhánh đôi mươi
Về em vàng phố mây trời
Tay đơm nụ hạ hoa dờn gót xuân
Thì thôi tóc ấy phù vân
Thì thôi lệ ấy còn ngần dáng sương
Thì thôi mù phố xe đường
Thì thôi thôi nhé đoạn trường thế thôi”

Nhân vật trữ tình ngắm người yêu mà suy ngẫm, nào lúc nằm, nào lúc về, nào hình hài, nào dáng vẻ, nào môi ươn đào lý, nào gót dờn hoa xuân. Thế nhưng tóc ấy chỉ là phù vân, lệ ấy, dáng ấy mong manh như sương khói. Em đẹp rạng ngời giữa cội thu xanh, giữa vàng phố mây trời nhưng chỉ là vô thường, là hư huyền. Đó là nỗi sầu nhuốm về Thiền khi nói đến người yêu.

Có lúc đang nói chuyện Thiền, chuyện “ Gối tay nệm cỏ nằm say/ Gõ vào đá tụng một vài biển kinh” thì những kỷ niệm tình khôi của tình yêu chợt ùa về trong tâm tưởng:

“ Nhớ xưa em chữa theo chồng
Mùa xuân em mặc áo hồng đào rơi
Mùa thu áo biếc da trời
Sang đông em lại đổi dờn áo hoa”

Để rồi hình bóng người yêu hiện lên trong mắt nhân vật trữ tình với một vẻ đẹp thánh thiện tựa Quan Thế Âm:

“ Áo em phát cỡi di đà
Ngón chân em nở cánh hoa đại từ”

Ta có cảm giác đây là một tu sĩ lãng mạn, một hiền giả tìm về cõi Phật vẫn mang theo mình hình bóng người yêu. Chính sự kết hợp diệu kỳ của tình yêu và Thiền học đã tạo nên vẻ đẹp vừa nồng nàn vừa linh thiêng chỉ có trong thơ Phạm Thiên Thư. Chính con vạc đậu bờ kinh cũng ghé nhà thơ – nhân vật trữ tình:

“ Hỏi con vạc đậu bờ kinh
Cớ sao lặn đạn cái hình không hư

Vạc rằng thưa bác Thiên Thư
Khoác chi cái áo thầy tu ỡm ờ ”

Tìm hiểu thi phẩm “ Động hoa vàng” của Phạm Thiên Thư ở các góc độ: Không gian nghệ thuật, thời gian nghệ thuật, nhân vật trữ tình Sẽ nhìn thấy được vẻ đẹp vi diệu, linh thiêng ẩn trong từng câu, từng chữ. Nhìn từ văn hóa Thiên, “ Động hoa vàng” tựa một loài hoa bình dị mà thoang thoảng một mùi hương dịu nhẹ, thanh tao làm say đắm lòng người. Đó là cõi Thiên tịch lặng, là ánh trắng thanh bình trong cõi phù sinh.

The Thorn Birds Trọng Thịnh

Khi cho ra đời thi phẩm *Đoạn Trường Vô Thanh*, có thể Phạm Thiên Thư cũng ngầm tự ví mình như là một Nguyễn Du thời đại. Có điều, *Đoạn Trường Tân Thanh* (hay *Truyện Kiều*) của Nguyễn Du thì càng lúc càng sáng lung linh hơn, càng được tiếp nhận bởi nhiều quốc gia khác hơn; còn *Đoạn Trường Vô Thanh* chỉ có mặt một lúc rồi dần dần đi vào lãng quên. Bản thân tôi cũng chẳng nhớ thi phẩm ấy như thế nào.

Dù sao, những vần lục bát của Phạm Thiên Thư từ khi có mặt, cuối thập niên 1960, đầu thập niên 1970, cho đến nay, vẫn rung dài âm hưởng trong tôi, cũng như trong nhiều người khác. Nhất là qua thi phẩm *Đưa Em Tìm Động Hoa Vàng* với 100 đoạn thi, quả thực là vẫn chưa có giọng lục bát nào sau Nguyễn Du có thể óng ả tuyệt bích như thế.

Nhưng nhiều người đã không được đọc hết 100 đoạn khúc trong thi phẩm *Đưa Em Tìm Động Hoa Vàng*, mà chỉ được biết đến 3 đoạn ráp nối từ bản nhạc rất nổi tiếng của Phạm Duy. Nhà nhạc sĩ tài ba, cũng họ Phạm, rất đồng điệu với "thiền sư ỡm ờ" Phạm Thiên Thư khi trích một vài đoạn thi để phổ thành bản nhạc với cùng tựa đề thi phẩm: *Đưa Em Tìm Động Hoa Vàng*. Giọng nhạc và giọng thơ hòa nhập với nhau một cách tuyệt khéo, như thể chúng đã có sẵn cho nhau rồi vậy. Chỗ tài tình khác của Phạm Duy là rút được những đoạn, những câu hay nhất mà ghép thành lời cô đọng cho một nhạc khúc. Trong đó, vài chỗ phải thay đổi, nhưng không đánh mất ý chính.

Lời cho nhạc phẩm *Đưa Em Tìm Động Hoa Vàng* như thế này:

Rằng xưa có gã từ quan
Lên non tìm động hoa vàng nhớ nhau
Thôi thì em đừng ngại mưa mau
Đưa nhau ra tới bên cầu nước xuôi
Sông này đây chảy một giòng trôi
Mây đầu sông thắm tóc người cuối sông
Nhớ xưa em chữa theo chồng
Mùa xuân may áo
Áo hồng đào rơi
Mùa thu em mặc áo da trời
Sang đông lại khoác lên người áo hoa.

Rằng xưa có gã từ quan
Lên non tìm động hoa vàng ngủ say
Thôi thì em chẳng còn yêu tôi

Leo lên cành bươm khóc người rưng rưng
Thôi thì thôi mộ người tà dương
Thôi thì thôi nhé đoạn trường thế thôi
Nhớ xưa em rũ tóc thề
Nhìn trăng sao nở để lời thề bay
Đợi nhau tàn cuộc hoa này
Đành như cánh bướm đôi tây hững hờ

Rằng xưa có gã từ quan
Lên non tìm động hoa vàng ngủ say
Thôi thì thôi để mặc mây trôi
Ôm trăng đánh giấc bên đồi dạ lan
Thôi thì thôi chỉ là phù vân
Thôi thì thôi nhé có ngàn ấy thôi
Chim ơi chết dưới cội hoa
Tiếng kêu rơi rụng giữa giang hà
Mai ta chết dưới cội đào
Khóc ta xin nhỏ lệ vào thiên thu.

Tôi vẫn chưa có bản chính của thi phẩm *Đưa Em Tìm Động Hoa Vàng* để xem lại câu "đành như cánh bướm đôi tây hững hờ". Lâu nay, tôi vẫn nghĩ là "đành như cánh bướm đôi tây hững hờ" nhưng nghe nhạc của Phạm Duy thì ai cũng hát "đôi tây". Tự nghĩ, có lẽ ngay chỗ đó, đánh dấu huyền vào thì thích hợp với nhạc hơn nên đã dùng chữ "đôi" thay chữ "đôi". Dầu vậy, tôi vẫn thích cái nghĩa "đôi tây", nghĩa là đôi ngã riêng tây (tự), hững hờ, hơn là cánh bướm bay về đôi tây, hững hờ.

Một chỗ khác là "Chim ơi chết dưới cội hoa". Tôi nghĩ cách gọi "Chim ơi" như thế trong câu, không hay và có lẽ còn sai ý nữa. Chẳng ai lại tự gọi mình "Tôi ơi, hãy chết đi dưới cội hoa!" Con chim chết dưới cội hoa là thi nhân đau khổ vì thất tình đã tự ví mình như con chim, chết đau chết đuối trong cuộc tình tan vỡ. Con chim nào mà chết dưới cội hoa? *The thorn bird* đấy. Loài chim ấy chỉ hót một lần trong đời, ngọt ngào hơn bất cứ âm thanh nào trên mặt đất. Một khi trưởng thành, rời tổ, nó tìm ngay một cành cây đầy gai nhọn, chọn ngọn gai nào bén và dài nhất, phóng mình vào ngọn gai ấy, đồng thời cất lên tiếng hót duy nhất trong đời nó. Tiếng hót lúc ấy, là bài ca siêu tuyệt nhất trong những bài ca; mang theo cả niềm hạnh phúc vô tận của tình yêu đồng thời cả chất liệu thống thiết khổ đau hàm ẩn của nó. Đó là huyền thoại của loài chim gai (the thorn birds) có nói trong tác phẩm *The Thorn Birds* của Colleen McCullough.

Ở đây, tiếng kêu của loài chim *chết dưới cội hoa* này còn thảm hơn. Vì tiếng kêu của nó vừa cất lên thì đã rụng xuống trên sông rộng, chứ không cất lên cao để phụng hiến thần linh gì hết. Và như vậy, thi nhân, trong nỗi đau tình, đã "hờn giỗi", vừa giả giọng lạnh lùng, nói:

Con chim chết dưới cội hoa
Tiếng kêu rụng giữa giang hà xanh xao
Chứ không kêu gào:
Chim ơi! Chết dưới cội hoa

Nói thì nói vậy, vẫn cảm ơn Phạm Duy đã phổ biến thơ Phạm Thiên Thư đến rộng rãi quần chúng hơn. Đôi khi bốc hừng, không nhớ được cả trăm đoạn khúc của Phạm Thiên Thư, tôi và nhiều người khác đã ca nhạc phẩm của Phạm Duy. Thích thú lắm!

Và đây, trọn vẹn 100 đoản thi trong *Đưa Em Tìm Động Hoa Vàng* của Phạm Thiên Thứ, mỗi đoản khúc là một tiếng hát, của loài dị điều, sẵn sàng yêu và chết, và để tiếng hát của mình rơi rụng trên sông:

Đưa Em Tìm Động Vàng



1

Mười con nhạn trắng về tha
Như Lai thường trụ trên tà áo xuân
Vai nghiêng nghiêng suốt tởn huyền
Đôi gò đào nở trên miền tuyết thơm

2

Xe lên bụi quán hoa đường
Qua sương trắng đậm phố phường úa thu
Tiếng chim ướt sũng hai mùa
Hạt rơi thêm lạnh hững hờ mây qua

3

Đế buồn dỗ giấc mù sa
Âm nao lãnh đặng tởn ngà sương bay
Người về sao nở trên tay
Vớ hài dẫm nguyệt thêm dài gót mơ

4

Con khuyên nó hát trên bờ
Em thay áo tím thờ ơ giang đầu
Tường xưa có kẻ trên lầu
Ngày xuân gieo nhẹ trái cầu giấu hoa

5

Tóc dài cuối nộ mây xa
Vàng con bướm nhụy lẫn tà huy bay
Dùng dằng tay lại cầm tay
Trao nhau khăn lụa nhớ ngày sầu đưa

6

Từ chim thủa núi xa xưa
Về đây rót lại hạt mơ cuối rừng
Từ em khép nép hài xanh
Về qua đục nở hồn anh đóa sầu

7

Ừ thì mình ngại mưa mau
Cũng đưa anh đến bên cầu nước xuôi
Sông này chảy một dòng trôi
Mây đầu sông thắm tóc người cuối sông

8

Ngày xưa em chữa theo chồng
Mùa xuân em mặc áo hồng đào rơi
Mùa thu áo biếc da trời
Sang đông em lại đổi đời áo hoa

9

Đường về hái nụ mù sa
Đưa theo dài một nương cà tím thôi
Thôi thì em chẳng yêu tôi
Leo lên cành bưởi nhớ người rưng rưng

10

Sao em bước nhỏ ngập ngừng
Bên cầu sương rụng mấy từng mai mơ
Đêm về thấp nển làm thơ
Tiếng chân còn vọng nửa tờ thơ tôi

11

Đôi uyên ương trắng bay rồi
Tiếng nghe tha thiết bên trời chớm đông
Nửa đêm đắp mảnh chăn hồng
Lại nghe hoa lạnh ngoài đồng thiết tha

12

Con chim chết dưới cội hoa
Tiếng kêu rụng giữa giang hà xanh xao
Mai anh chết dưới cội đào
Khóc anh xin nhỏ lệ vào thiên thu

13

Tường thành cũ phiến bia xưa
Hồn dâu biển gọi trong cờ lau bay
Chiều xanh vòng ngọc trao tay
Tặng nhau khăn lụa cuối ngày ráng pha

14

Đêm dài ươm ngát nhụy hoa
Chim kêu cửa mộ trắng tà gỗ bia

Em ơi rũ tóc mây về
Nhìn trăng nở để lời thề gió bay

15

Đợi nhau tàn cuộc hoa này
Đành như cánh bướm đời tây hững hờ
Tìm trang lệ ở hàng thơ
Chữ xưa quyên đục bấy giờ chim di

16

Mây xưa cũng bỏ non về
Em xưa cũng già câu thề đó đây
Nhớ đành biết mấy tầm tay
Lông chim biển bắc hoa gầy bãi đông

17

Đợi ai trắng rồi hoa buồn
Vắng em từ thủa theo buồm gió xuôi
Chiều chiều mở cổng mây trôi
Chênh vênh núi biếc mắt ngời sao hôm

18

Thế thôi phố bụi xe hồng
Hồ ngăn ngắt đục đôi dòng nhận bay
Đưa nhau đấu rượu hoa này
Mai đi đã hạc thành ngoài cuồng ngâm

19

Xuống non nhớ suối hoa rừng
Vào non nhớ kẻ lưng chừng phố mây
Về thành nhớ cánh chim bay
Xa thành thương vóc em gầy rạc hoa

20

Hạc xưa về khép cánh tà
Tiếng rơi thành hạt mưa sa tần ngần
Em về hong tóc mùa xuân
Trăng trầm hương tỏa dưới chân một vành

21

Em nằm ngó cội thu xanh
Môi ươm đào lý một nhánh đôi mươi
Về em vàng phố mây trời
Tay đơm nụ hạ hoa đời gót xuân

22

Thì thôi tóc ấy phù vân
Thì thôi lệ ấy còn ngần dáng sương
Thì thôi mù phố xe đường
Thì thì thôi nhé đoạn trường thế thôi

23

Gầy em vóc cỏ mây dòi
Tay em mai nở chân trời tuyết pha
Ngày dài ngựa soải cầm ca
Trán cao ngấn nửa trăng tà ngậm sương

24

Xe lăn bánh nhỏ bụi hường
Lao xao vó rụng trên đường phố mây
Mưa giăng ráng đỏ hao gầy
Đôi con ngựa bạch ném dài tuyết sa

25

Chim nào hát giữa thôn hoa
Tay nào hong giữa chiều tà tóc bay
Lụa nào phơi nắng sông tây
Áo xuân hạ nọ xanh hoài thu đông

26

Con chim mùa nọ chưa chồng
Cũng bay rời rã trong dòng xuân thu
Từ em giặt áo đông tơ
Nay nghe lòng suối hững hờ còn ngâm

27

Thuyền ai buông lái đêm rằm
Sông thu ngân thoảng chuông trắng rì rào
Cửa sương nhẹ mở âm vào
Lay nghiêng bầu nậm rượu đào trầm ca

28

Lên non cuốc sỏi trồng hoa
Xuôi thuyền lá trúc la đà câu sương
Vớt con cá nhỏ lòng đồng
Mãi vui lại thả xuống dòng suối tơ

29

Vào non soi nguyệt tầm rùa
Đọc trên mai nhỏ xanh tờ lục thư
Thả rùa lại đứng ưu tư
Muốn qua hang động sống như nguyệt rùa

30

Em nghiêng nón hạ cầu mưa
Sông ngâm mây trắng nước chưa buồn về
Hoa sầu cỏ cũng sầu chia
Lơ thơ xanh tụ đầm đĩa vàng pha

31

Đất nam có lão trồng hoa
Mùa hoàng cúc nở ướp trà uống đông

Lại đem bầu ngọc ra trồng
Bầu khô cát nậm rượu hồng uống xuân

32

Người vui ngựa chợ xe thành
Ta leo cầu trúc bên ghềnh thác rơi
Theo chân chim gặp mây trời
Lại qua khói động hỏi người tu non

33

Bông hoa trắng rụng bên đường
Cánh thơm thông điệp vô thường tuyết băng
Con ong nhỏ mới ra giàng
Cũng nghiêng đôi cánh nhụy vàng rụng rơi

34

Mùa xuân bỏ vào suối chơi
Nghe chim hát núi gọi trời xuống hoa
Mức bình nước mát về qua
Ghé thôn mai nọ hỏi trà mạn xưa

35

Chim từ bỏ động hoa thưa
Người từ tóc biếc đôi bờ hạ đông
Lên non kiếm hạt tơ hồng
Đập ra chợt thấy đôi dòng hạc bay

36

Người về đỉnh núi sương tây
Ta riêng nằm lại đợi ngày mướt hoa
Bến nam có phố giang hà
Nghiêng nghiêng nậm ngọc dốc tà huy say

37

Tình cờ anh gặp nàng đây
Chênh chênh gót nguyệt vốc gầy liễu dương
Qua sông có kẻ chợt buồn
Ngó hoa vàng rụng bên đường chớm thu

38

Mốt mai em nhớ bao giờ
Bãi dâu vẫn mộ cho dù sắc không
Chân chim nào đậu bên cồn
Ngựa xuôi có kẻ lại buồn dấu chim

39

Đợi người cuộc mộng thâm đêm
Sông Ngân trở lệ dài thêm dòng nhòa
Anh nằm gối cỏ chờ hoa
Áo em bạch hạc la đà thái hư

40

Em từ rửa mặt chân như
Nghiêng soi hạt nước mời hư không về
Thâu hương hiện kính bồ đề
Phấn son chìm lắng hạt mê luân hồi

41

Ta về rũ áo mây trôi
Gối trắng đánh giấc bên đồi dạ lan
Rừng xưa có gã từ quan
Lên non tìm động hoa vàng ngủ say

42

Ngựa xưa qua ải sương này
Còn nghe nhận lạc kêu hoài bãi sông
Nước xuôi gợn gợn mây hồng
Tiếng ca lạnh thấu hoàng hôn giục đò

43

Hoa đào tường bóng đào xưa
Thuyền sang bến nọ dòng mờ khói vơi
Hoa dương vàng nhạt sầu người
Ta về uống nước sông khuây khỏa lòng

44

Đưa nhau đồ chén rượu hồng
Mai sau em có theo chồng đất xa
Qua đò gỗ nhịp chèo ca
Nước xuôi làm rượu quan hà chuốc say

45

Khăn trắng từ độ trao tay
Nửa tan cát sỏi nửa mài nghiền sương
Mốt mai lòng có nghe buồn
Mảnh trăng hiện hóa thiên đường cõi chơi

46

Nhện cheo leo mắc tơ trời
Dòng chim qua hỏi mộ người tà dương
Đánh rơi hạt mận bên đường
Xuân sau mọc giữa chân thường cội hoa

47

Nụ vàng hương rộ tháng ba
Nửa đêm dậy ngó trăng tà tiêu tương
Chẳng như cội liễu bờ dương
Tóc xanh mướt giữa vô thường sắc không

48

Mai nào thơm ngát thu đông
Lược em chải rụng đôi dòng tơ xanh

Đôi chim hồng yến trên cành
Ngẩn ngơ quên rửa lông mình điểm trang

49

Mùa xuân mặc lá trên ngàn
Mùa thu mặc chú bướm vàng tương tự
Động nam hoa có thiên sư
Đôi kính lấy rượu tâm hư uống tràn

50

Nến khuya lửa hắt hiu vàng
Trang kinh lác đác đôi hàng nhận sa
Ý nào hóa hiện ngàn hoa
Chữ nào cần nguyệt trên tà áo ni

51

Dĩ non suối giọng thâm thì
Độ tam thế mộng xá gì vóc hoa
Ni cô hiện giữa ta bà
Bút tay hồng ngọc nâng tà áo trắng

52

Tiếng chim trong cõi vô cùng
Nở ra bát ngát trên rừng quế hương
Tiếng em hát giữa giáo đường
Chúa về trong những thánh chương bàng hoàng

53

Đố ai nhớ hết hoa vàng
Đố ai uống cạn sương tàng trắng thấu
Đố ai tát cạn mạch sâu
Thì ta để tóc lên cầu đón ai

54

Em về sương dẫm hai vai
Dấu chân là cánh lan dài nở đêm
Từ em hé nụ cười huyền
Mùa thu đi mất trên miền cỏ hoa

55

Guốc mòn lẫn tiếng sơn ca
Sư về chống gậy trúc qua cầu này
Ngó bờ suối lạnh hoa bay
Thương sao giòng nước trôi hoài thiên thanh

56

Có con cá mại cò xanh
Bơi lên nguồn cội tẩm nhánh suối xuân
Nửa dòng cá gặp phù vân
Hỏi sao mây bỏ non thần xuống chơi

57

Dù mai lều cỏ chân trời
Khơi hương lò cũ khóc người trong thơ
Em còn ửng má đào tơ
Tóc xưa dù có bây giờ sương bay

58

Lên non ngắt đóa hoa này
Soi nghiêng đáy suối bóng ai nhạt nhòa
Nom hoài chẳng rõ là ta
Tắm xong khoác áo hát ca về làng

59

Tay đeo vòng ngọc xanh xang
Áo em bay giải tơ vàng thiết tha
Bước chân tìm chán ta bà
Ngừng đây nó hỏi: đâu là vô minh

60

Hỏi con vạc đậu bờ kinh
Cớ sao lặn đặng cái hình không hư
Vạc rằng: thưa bác thiên thư
Mặc chi cái áo thiên sư ốm ờ

61

Nước đi từ thửa bao giờ
Dòng xuôi người đứng trên bờ ngó xuôi
Chừng đâu dưới bến hoa tươi
Buộc thuyền xưa đã có người ngó sông

62

Từ hôm em bỏ theo chồng
Áo trắng em cất áo hồng em mang
Chiều nay giở lại bàng hoàng
Mười năm áo cũ hoe vàng lệ xanh

63

Đôi chim nhỏ nhỏ trên cành
Giục nhau đan tổ cỏ xanh bên đường
Nửa đời mây nước du phương
Thiền sư ngắt cỏ cúng dường Phật thân

64

Gò chiều ùn bụi sương lên
Hỏi ra mới biết nơi yên cảnh vàng
Bên mồ chôn cáo đùn hang
Chim kêu như lạnh tiếng nàng ngân nga

65

Cuối xuân ta lại tìm qua
Tiểu thư chi mộ thềm hoa đại tàn

Sớm thu ta đánh dò sang
Bên đường cỏ mộ lại vàng cúc hoa

66

Trúc thưa cổng gió ơ hờ
Em ra tựa cửa nghĩ chưa lấy chồng
Sông ơ xanh nhẹ một dòng
Mùa xuân cấp rỏ ra đồng vớt hoa

67

Đường dài xao xác chim ca
Người còn khoác nón theo tà dương nao
Ván cờ bày trắng bông đào
Sao lên núi thắm trăng vào chén không

68

Đồi thu vắt suối mây hồng
Chim xanh lác đác ngược dòng hoa tiên
Bắc sâu lửa lụn chờ em
Lệ xưa ai đã đổ nên dầu này

69

Đón em như ngóng chim trời
Bãi xuân sớm đậu chiều dờn khói thu
Em còn áo trắng ngày xưa
Trong anh muôn thừa bao giờ lệ hoen

70

Khơi trầm thơm tưng kinh hiền
Máu xuân mạch lạnh trong miền xương da
Vườn chùa có nụ hàm ca
Sương khuya: pháp bảo trăng tà: vô môn

71

Mai tươi cánh nở bên cồn
Mưa bay lấm tẩm cảnh hương trắng ngời
Thu đông tàng ẩn kho trời
Hạt rơi rụng ngọc cánh rời rã hoa

72

Cổng làng mở cánh sao sa
Nhã lan loáng thoáng tiếng gà xóm mai
Lên chùa dâng đĩa hoa nhài
Chợt viên trăng lạnh trên hải tổ sư

73

Chuông ngân chiều lặng trầm tư
Tiếng lơi đẫm hạt thiên thư bênh bồng
Điệu về tay giấu chùm bông
Gót chân đất phật trở hồng hồng sa

74

Bóng trăng tịch mặc hiên nhà
Thành đàn nẩy hạt tỳ bà quyện hương
Gió thu từ độ tha phương
Về trên hốc gỗ bên đường lặng im

75

Áo em vạt tím ngàn sim
Nửa nao nức gọi nửa im lặng chờ
Yêu nhau từ độ bao giờ
Gặp đây giả bộ hững hờ khói bay

76

Tình cò như núi gặp mây
Như sương đậu cánh hoa gầy tiêu dao
Tĩnh ra thì giấc chim bao
Chuyện mười năm cũ lại nao nao lòng

77

Cành sen lá chữu sương trong
Áo ni xám vạt trời hong buồn về
Tay nào nghiêng nón thơ che
Tay nào lần chuỗi bỏ đề xanh xao

78

Đôi mày là phượng cất cao
Đôi môi chín ửng khoé đào rùng mơ
Tiếng nàng vỡ bạc thành thơ
Tụng dòng kinh tuệ trên tờ khói mây

79

Tóc em rùng ngát hương say
Tay em dài nụ hoa lay đáng ngà
Mắt xanh bản nguyệt di đà
Bước trầm hương nhẹ lẫn tà dương chim

80

Mắt nàng ru chiếc nôi êm
Ru hồn tôi ngủ ngàn đêm tuyết vời
Em là hoa hiện dáng người
Tôi là cánh bướm cung trời về say

81

Một đêm nằm ngủ trong mây
Nhớ đâu tiền kiếp có cây hương trời
Cây bưởi trắng ngát hương đời
Nụ là tay phật chỉ người qua sông

82

Non xanh khoác áo sương hồng
Con chim điểm tuyết ngoài đồng vạt bay

Tiếng kêu lạnh buốt lòng tay
Ngón buông lại chợt tuôn đầy lòng hoa

83

Em bên cửa chuốt tay ngà
Cội lan đông mặc nở qua mấy nhánh
Ngày em ướp áo hồ xanh
Con uyên tha thiết trên cành gọi thu

84

Ni về khép cửa chùa tu
Sớm mai mở cổng quét thu vườn hồng
Thu vương ngọn chồi đôi bông
Thoảng dâng hương lạ bướm vòng cánh duyên

85

Sư lên chót đỉnh rừng thiền
Trong tim chợt thấp một viên tà dương
Ngón tay nở nụ đào hương
Cầm nghiêng tịnh độ một phương diệu vời

86

Một dòng hoa nổi trên trời
Một dòng hoa nở trong người trầm tư
Cánh nào mở cõi không hư
Phiến băng tuyết khám một tờ kim cương

87

Thư em ướp nụ lan vàng
Lời em gió núi chiền đàn thoảng xa
Áo em phát cõi di đà
Ngón chân em nở cánh hoa đại từ

88

Chênh vênh đầu trượng thiền sư
Cửa non khép ải sương mù bóng ai
Non xanh ướp hởi trang đài
Trăm năm còn lại dấu hài động hoa

89

Ngày xưa bên dậu vàng hoa
Chiều chiều kê chõng nằm ra ngó trời
Năm sau em bỏ đi rồi
Ta về ngồi lắng mưa rơi giậu buồn

90

Trên nền gạch nẻ rêu phong
Xưa phơi nhũ diệu giờ hong đóa qui
Trẻ đào bãi cỏ xanh rì
Được thanh kiếm quỉ bao kỳ thu han

91

Non đem nhận nhốt trong thành
Cho sông chưa trở yếm xanh dưới cầu
Người còn dệt lụa tấm dâu
Đêm nghe mưa rặng thiên thâu ngoài giàn

92

Núi nghiêng suối vắt tơ đàn
Nhìn ngoài thạch động mưa vàng lụa thừa
Nghiêng bình trà nhớ hương xưa
Từ vàng hoa nọ bây giờ vàng hoa

93

Sáng nghe lan rặng mái nhà
Chừng như mưa nhẹ núi xa mùa này
Đường về mù mịt ngàn mây
Về nam đôi cánh chim bay xạc xào

94

Mây dù chẳng chất non cao
Đường về dù chẳng sông đào nông sâu
Đêm đêm lòng dục nẻo sầu
Thềm trăng ngõ tưởng hoa cau rặng thềm

95

Nhớ cha giọt lệ khôn cầm
Dưới trăng lấp lánh như trâm vân quỳnh
Nghiêng ly mình cạn bóng mình
Tay ôm vò nguyệt một bình mây bay

96

Gối tay nệm cỏ nằm say
Gõ vào đá tụng một vài biển kinh
Mai sau trời đất thái bình
Về lưng núi phượng một mình cuồng ca

97

Gây giàn thiên lý vàng hoa
Lên non cất cỏ lợp nhà tụ mây
Xuống đầm tát cá xâu cây
Bới khoai vui lửa nằm dài nghe chim

98

Khách xa nhớ đến nhau tìm
Lên đồi trẩy một giỏ sim làm quà
Hứng nước suối thết bình trà
Hái bầu nấu bát canh hoa cười khăn

99

Vào hang núi nhập niết bàn
Tinh anh nở đóa hoa vàng cửa khe

Mai sau thí chủ nào nghe
Tìm lên xin hỏi một bè mây xanh

100

Hoa vàng ta để chờ anh
Hiện thân ta hát trên cành tâm mai
Trần gian chào cõi mộng này
Sông Ngân tìm một bến ngoài hóa duyên.

Ở trên là lục bát. Nay đọc thử giọng thơ thất ngôn của họ Phạm xem sao:

Chim Quyên Từ Độ Bỏ Thôn Đoài

Chim quyên từ độ bỏ thôn Đoài
Quyên chẳng buồn thăm thiết gọi ai
Về núi Nam gặp cảnh hoa trắng
Quặn đau lòng ngó phiến tâm mai.

Đồi Cù

Thả gót giày lãng đãng bên hồ
Trên đồi Cù thông rụng lá khô
Cơn sương trắng lùa ta mãi miết
Xuống ven bờ phi hữu phi vô.

Đan Áo

Em ngồi đan chiếc áo len xanh
Hẹn gió thu về gửi tặng anh
Rồi bỏ đó em vào thiên cổ
Anh một đời ngóng áo thiên thanh.

Phơi Áo

Xưa em phơi áo giữa thu phong
Lá vàng cài trên lụa rực hồng
Nay áo đã cuốn về thiên cổ
Lá vàng bay lạnh nổi niềm không.

Trăng Úa

Đã chớm vào thu sương chẳng bay
Sương rơi ngày đó lạnh ngày nay
Những đêm thức giấc nhìn trăng úa
Tường lửa rừng xa đốt giữa mây.

Hoang Phế

Ven núi vàng trơ mấy bức tường
Chiều chiều nắng lụn cú kêu sương
Có con bướm trắng vương nền cỏ
Lẩn giữa ngàn lau dãi chút hương.

Và đây, ngũ ngôn. Bài thơ lãng mạn và buồn nhất của một người ốm ở chệnh vênh giữa hai cõi đời-đạo:

Vết Chim Bay

Ngày xưa anh đón em
Nơi gác chuông chùa nọ
Con chim nào qua đó
Còn để dấu chân in

Anh một mình gọi nhỏ
Chim ơi biết đâu tìm

Mười năm anh qua đó
Còn vẫn dấu chân chim
Anh một mình gọi nhỏ
Em ơi biết đâu tìm

Ngày xưa anh đón em
Trên gác chuông chùa nọ
Bây giờ anh qua đó
Còn thấy chữ trong chuông

Anh khoác áo nâu sồng
Em chân trời biên biệt
Tên ai còn tha thiết
Trong tiếng chuông chiều đưa

Ngày xưa em qua đây
Cho tình anh chớm nở
Như chân chim muôn thuở
In mãi bực thêm rêu

Cõi người có bao nhiêu
Mà tình sâu vô lượng
Còn chi trong giả tượng
Hay một vết chim bay.

Còn bài này thì ai cũng biết, vì đã được Phạm Duy phổ nhạc. Tựa của bài thơ và bản nhạc rất hay: *Ngày Xưa Hoàng Thị* và ba dấu chấm (...). Nếu thêm chữ Ngọ vào để thay cho ba dấu chấm thì mất hay ngay. Nàng tuổi Ngọ, tên Ngọ. Con gái mang cái tên này thì chẳng được đẹp cho lắm. Cho nên không tiện đưa vào tựa đề. Tuy vậy, trong bài, thi nhân cũng "thành thật khai báo" tên thật của người yêu; rồi từ đó, tên cô đi vào thi và ca. Tên Ngọ trở nên nổi tiếng và được mọi người nhắc tên, gọi tên, khi hát bản nhạc để thương mà buồn thấm thía này. Trong nhạc, Phạm Duy đã thay đổi và lược đi khá nhiều. Sau đây là bài thơ nguyên thủy:

Ngày Xưa Hoàng Thị...

Em tan trường về
Đường mưa nhỏ nhỏ
Chim non giấu mỏ
Dưới cội hoa vàng

Bước em thênh thang
Áo tà nguyệt bạch

Ôm nghiêng cặp sách
Vai nhỏ tóc dài

Anh đi theo hoài
Gót giày thềm lặng

Đường chiều úa nắng
Mưa nhẹ băng khuôn

Em tan trường về
Cuối đường mây đỏ
Anh tìm theo Ngọ
Dáng lau lách buồn

Tay nụ hoa thôn
Vương bờ tóc suối

Tìm lời mở nói
Lòng sao ngập ngừng
Lòng sao rưng rưng
Như trời mây ngợp

Hôm sau vào lớp
Nhìn em ngại ngần

Em tan trường về
Đường mưa nhỏ nhỏ
Trao vội chùm hoa
Ép vào cuối vở

Thương ơi vạn thuở
Biết nói chi nguôi
Em mỉm môi cười
Anh mang nỗi nhớ

Hè sang phượng nở
Rồi chẳng gặp nhau

Ôi mối tình đầu
Như đi trên cát
Bước nhẹ mà sâu
Mà cũng nhòa mau

Tưởng đã phai màu
Đường chiều hoa cỏ
Mười năm rồi Ngọ
Tình cò qua đây
Cây xưa vẫn gầy
Phơi nghiêng ráng đỏ
Áo em ngày nọ
Phai nhạt mấy màu?

Chân theo tim nhau
Còn là vang vọng
Đời như biển động
Xóa dấu ngày qua

Tay ngắt chùm hoa
Mà thương mà nhớ

Phố ơi muôn thuở
Giữ vết chân tình

Tim xưa quẩn quanh
Ai mang bụi đời

Dáng em nhỏ nhỏ
Trong cõi xa vời

Tình ơi tình ơi!